

Giới là nền tảng con đường thanh tịnh

ISSN: 2734-9195 21:45 14/03/2022

Tác giả: **Luận sư Buddhaghosa Ni sư Trí Hải** dịch Việt Trích "Thanh Tịnh Đạo - Visudhi Magga", Phần I, Chương I.. Thanh Tịnh Đạo là một bộ sách tu học dựa trên giáo lý nguyên thủy, do Luận sư Buddhaghosa (Phật Âm) trước tác vào thế kỷ 5, Tây lịch

I. Dẫn Nhập

1.

Người trú giới có trí Tu tập tâm và tuệ Nhiệt tâm và thận trọng Tỷ kheo ấy thoát triền. -- (Tương ưng, i, 13)

Do duyên gì bài kệ trên đây được nói? Khi đức Thế tôn ở Xá vệ, một vị trời đi đến nơi ngài vào ban đêm, và để dứt trừ nghi hoặc, vị ấy đã đặt câu hỏi này:

-- Nội triền và ngoại triền Chúng sinh bị triền phược Con hỏi Gotama Ai thoát khỏi triền này? -- (Tương ưng i, 13)

2. Đây là ý nghĩa tóm tắt. Triền là lưới tham. Vì đó là một trói buộc theo nghĩa đan mắc vào nhau, như những cành cây chằng chịt như mạng lưới trong các khu rừng tre v.v..., tham cứ tiếp tục khởi qua lại giữa những đối tượng của tâm, từ sắc pháp đến tâm pháp và ngược lại. Tham được gọi là nội triền và ngoại triền vì nó khởi lên dưới hình thức khát ái đối với vật dụng của mình và đối với vật dụng của người, đối với tự ngã của mình và tự ngã của một người khác, đối với nội xứ và ngoại xứ. Vì tham khởi theo cách ấy, nên chúng sinh bị triền phược. Như những cây tre bị vướng mắc bởi bụi tre, thế gian này cũng vậy, nói cách khác, tất cả chúng sinh này đều bị vướng mắc vì mạng lưới chằng chịt của dục vọng. Con hỏi Gotama: Và bởi vì thế gian bị trói buộc như thế, cho nên con muốn hỏi điều này. Vị trời xưng hô với đức Thế tôn bằng tộc tánh của Ngài là Gotama. Ai thoát khỏi triền này: Ai có thể giải tỏa, tháo gỡ trói buộc này, cái mờ bóng làm cho chúng sinh trong tam giới đều bị quán quít như thế? - Điều vị trời ấy hỏi là, ai có khả năng tháo gỡ triền phược?

3. Khi được hỏi như vậy, đức Thế tôn, đấng Vô ngại giải, Trời của các vị trời, vượt hơn Đế Thích, Phạm thiên, đấng Thành tựu bốn vô úy, đấng Mười lực, đấng Chánh biến tri, đã nói bài kệ này để trả lời:

Người trú giới có trí Tu tập tâm và tuệ Nhiệt tâm và thận trọng Tỷ kheo ấy thoát triền.

4.

Bây giờ tôi sẽ đưa ra ý nghĩa chân thực: Chia thành giới, định, tuệ Của câu kệ do bậc Đại thánh nói. Trong giáo pháp đấng Chiến thắng Có những người tầm đạo từ bỏ gia đình, sống không nhà Những người khao khát thanh tịnh nhưng vẫn chưa biết đúng đạo lộ trực chỉ, bảo đảm, gồm Giới, Định và Tuệ, Con đường khó tìm, dẫn đến thanh tịnh Cho những người chưa an, dù đã nỗ lực, Tôi sẽ giảng Đạo lộ an ổn đưa đến thanh tịnh Y cứ lời dạy của những vị cư trú Trong Đại tinh xá. () Những người khát khao thanh tịnh hãy lắng nghe.*

(*) Đại tinh xá (Mahāvihāra) ở Anurādhapura, Tích Lan.

5. Thanh tịnh ở đây nên hiểu là Niết-bàn. Niết-bàn không có các cấu uế, nên hoàn toàn thanh tịnh. Thanh tịnh đạo là con đường dẫn đến sự thanh tịnh. Cách đến gọi là con đường. Tôi sẽ giải thích con đường đưa đến sự thanh tịnh ấy.

6. Trong vài trường hợp, con đường dẫn đến thanh tịnh được dạy là do Tuệ quán (về vô thường, khổ, vô ngã), như khi nói:

Tất cả hành vô thường Với tuệ quán thấy vậy Đau khổ được nhàm chán Chính con đường thanh tịnh. -- (Pháp cú 277)

Trong vài trường hợp, được giảng do Thiền định và Trí tuệ, như khi nói:

Người có thiền có tuệ Nhất định gần Niết-bàn. -- (Pháp cú 372)

Khi thì được giảng là do Nghiệp, như khi nói:

Nghiệp, minh và chánh pháp Giới - tối thượng sanh mạng Chính nhờ các pháp trên Khiến chúng sinh thanh tịnh Không phải do giai cấp Không phải do tài sản. -- (Trung iii, 262)

Khi thì được giảng là do Giới v.v..., như khi nói:

Vị luôn luôn trì giới Trí tuệ, khéo định tĩnh Chí siêng năng dũng mãnh Vượt bậc lưu khó vượt. -- (Tương ưng i, 53)

Và có trường hợp, thanh tịnh đạo được giảng là do bốn Niệm xứ v.v... như khi nói: "Này các tỷ kheo, con đường này là con đường duy nhất để thanh tịnh các

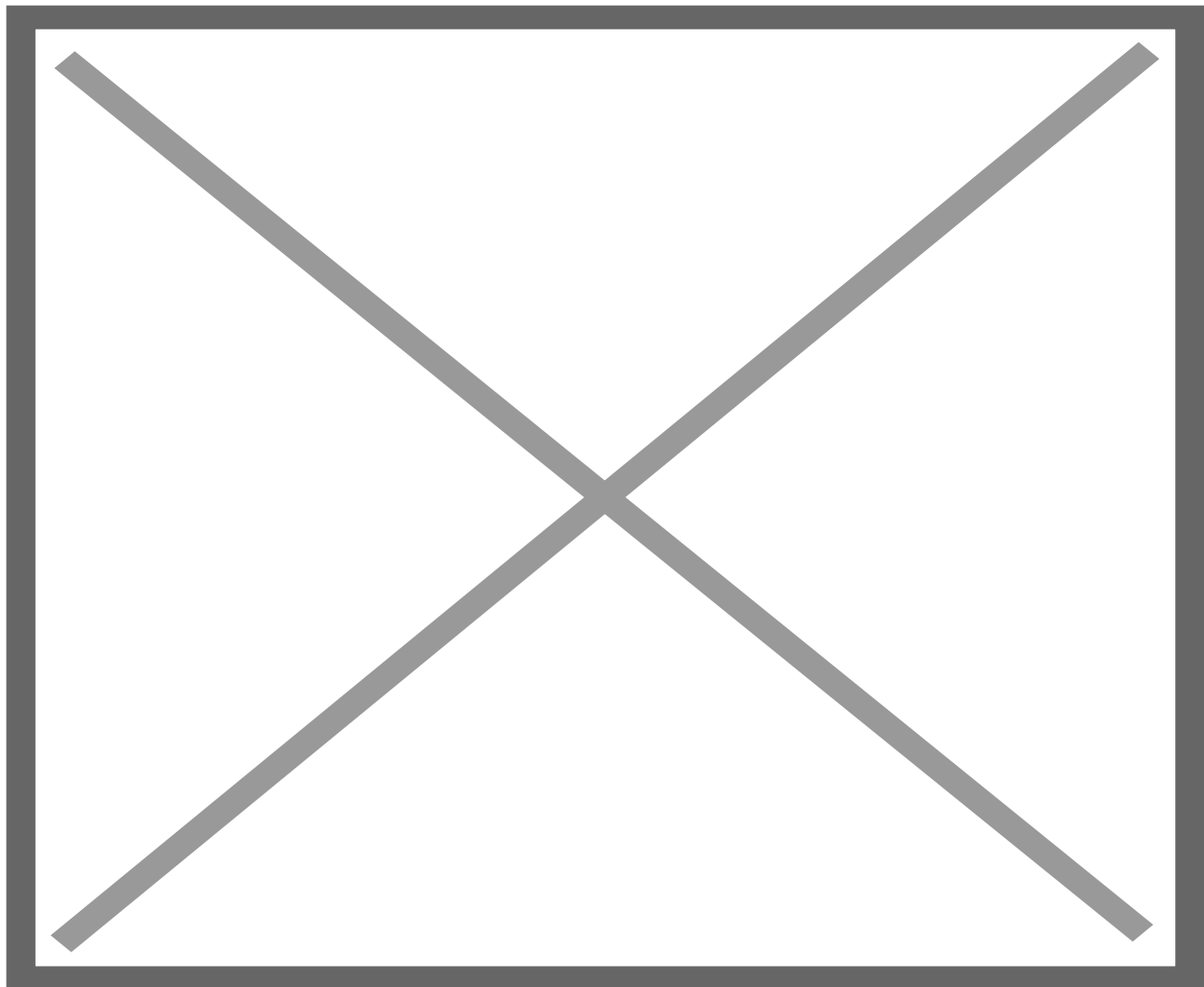
hữu tình ... để chúng Niết-bàn, đó là bốn Niệm xứ ". (Trường ii, 290). Cũng tương tự với bốn Chánh cần v.v... Nhưng để trả lời câu hỏi này, thì con đường thanh tịnh được giảng là Giới, Định và Tuệ.

7. Đây là bình chú văn tắt về bài kệ. Trú giới là đứng vững trên đất giới. Chỉ có người thực sự thành tựu trọn vẹn giới, mới được gọi là "trú giới". Cho nên câu này có nghĩa: trú giới đo thành tựu viên mãn giới. Người là một hữu tình. Có trí có tuệ do nghiệp sinh, nhờ một kiết sanh có ba nhân (là vô tham, vô sân và vô si). Tu tập tâm và tuệ: tu tập cả định và tuệ. Tâm ở đây chỉ định, còn tuệ là quán. Nhiệt tâm (àtāpin): có nghị lực. Nghị lực được gọi là tinh cần hay nhiệt tâm (àtāpa) với ý nghĩa đốt cháy những phiền não. Vì có nghị lực, nên vị ấy nhiệt tâm tinh cần.

Thận trọng: là có tuệ giác, chỉ tuệ phòng hộ. Trong câu trả lời, tuệ được nhắc đến ba lần: lần đầu (có trí) là tuệ bảm sinh, lần thứ hai là tuệ với nghĩa "quán", còn lần này chỉ tuệ "phòng hộ" hướng dẫn mọi công việc. Tỷ kheo (bhikkhu) là kẻ thấy sự khủng khiếp (bhayaṃ ikkhati) trong vòng luân hồi sinh tử. Thoát triển: như người đứng trên đất, dùng con dao bén, có thể phát quang một bụi tre chẳng chịt, cũng thế, vị tỷ kheo có được sáu yếu tố này là giới, định tuệ, gồm ba thứ nói trên, và sự nhiệt tâm tinh cần - đứng trên đất giới, dùng tay tuệ (phòng hộ) nỗ lực bằng tinh cần, cầm dao tuệ (bảm sinh) được mài sắc trên đá thiền định - có thể tháo gỡ, cắt đứt, phá hủy tất cả các dây nhợ tham dục. Chính ở giai đoạn này, thuộc Đạo lộ, vị ấy mới được gọi là đã "thoát triển": ở sát-na chứng quả, vị ấy đã tháo gỡ xong sự trói buộc và xứng đáng sự cúng dường tối thượng của thế gian và chư thiên, nên Thế tôn nói:

Người trú giới có trí Tu tập tâm và tuệ Nhiệt tâm và thận trọng Tỷ kheo ấy thoát triển.

8. Ở đây, không có gì vị ấy phải làm về trí tuệ bảm sinh nhờ đó mà vị ấy được gọi là người "có trí", bởi vì trí tuệ này đã an trú thuần nhờ ảnh hưởng của nghiệp đời trước. Song nhiệt tâm và thận trọng có nghĩa rằng, bằng nghị lực kiên trì như đã nói, và bằng hành vi đầy giác tỉnh với tuệ quán, vị ấy cần phải - khi đã an trú trong giới - tu tập, phát triển Chỉ và Quán được mô tả bằng từ ngữ Tâm và Tuệ. Đây là cách đức Thế tôn chỉ rõ đạo lộ đưa đến thanh tịnh dưới những đề mục Giới, Định và Tuệ.



9. Từ trước đến đây, những điều được nêu lên là Ba môn học (Tam Học: Giới Định Tuệ), giáo lý tốt đẹp trong ba phương diện, điều kiện cần thiết để chứng ba Minh v.v..., sự tránh hai cực đoan và tu tập Trung đạo, cách vượt khỏi những đọa xứ, đoạn trừ ô nhiễm dưới ba khía cạnh, sự đề phòng vi phạm, sự thanh lọc ba thứ nhiễm ô, và lý do đạt đến những quả Dự lưu v.v.. Nêu lên như thế nào?

10. Ở đây, sự tu tập tăng thượng giới được nêu bằng Giới; tu tăng thượng tâm bằng Định; và tu tăng thượng trí tuệ bằng Tuệ.

Sự tốt đẹp của giáo lý ở chặn đầu được nêu bằng Giới, do đoạn kinh: "Và gì là khởi điểm của các thiện pháp? Chính là giới hoàn toàn thanh tịnh." (Tương ưng v,143) và do Pháp cú, kệ 183: "Không làm mọi điều ác ..." Giới là khởi đầu của giáo lý. Và giới tốt đẹp, vì nó đem lại những đức đặc biệt là bất hối,v.v... Sự tốt đẹp của giáo lý ở chặn giữa được nêu bằng Định. Do Pháp cú, 183: "Không làm mọi điều ác", định là chặn giữa của giáo lý: "Thành tựu các hạnh lành".

(Không làm mọi điều ác, Thành tựu các hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch, Chính lời chư Phật dạy.)

Và Định tốt đẹp, vì đem lại các đức đặc biệt như thần thông v.v. Sự tốt đẹp của giáo lý ở chận cuối được nêu bằng Tuệ. Do câu "Tâm ý giữ trong sạch - Chính lời chư Phật dạy." (Pháp cú 183), và vì tuệ là cao điểm của nền giáo lý, nên Tuệ là chận cuối. Tuệ tốt đẹp vì đem lại đức bình thản đối với những điều khả ý và bất khả ý. Như kinh dạy:

Như núi đá kiên cố Không bị gió lay động Hủy báng hoặc tán dương Không lay động bậc trí. -- (Pháp cú 81)

11. Cũng thế, điều kiện cần thiết để chứng ba minh được nêu bằng Giới. Vì nhờ sự hỗ trợ của Giới viên mãn mà người ta đắc ba minh. Điều kiện cần thiết để đắc sáu thông được nêu bằng Định, vì chính nhờ sự hỗ trợ của định viên mãn mà đạt đến sáu thông. Điều kiện cần thiết để đắc bốn vô ngại giải được nêu bằng Tuệ, vì chính nhờ sự hỗ trợ của tuệ viên mãn mà được bốn vô ngại giải.

Chú thích: Ba minh: túc mạng minh, nhớ được các đời trước; thiên nhãn minh: biết sự chết và tái sinh của các hữu tình; lậu tận minh, đoạn trừ tất cả lậu hoặc. (Trung i, 22-3) Sáu thông là thần túc thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông, thiên nhãn thông (Trung i, 34-5). Bốn vô ngại giải là nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại và biện tài vô ngại (Tăng chi ii, 160).

Sự tránh xa cực đoan mê đắm dục lạc được nêu bằng Giới, cực đoan ép xác khổ hạnh được nêu bằng Định, và sự tu tập trung đạo được nêu bằng Tuệ.

12. Cũng vậy, Giới được nêu làm phương tiện để vượt khỏi các đoạ xứ, Định để vượt khỏi các dục, và Tuệ để vượt tất cả hữu. Lại nữa, sự từ bỏ những ô nhiễm do thay thế những pháp ngược lại là Giới, do nhiếp phục là Định, do đoạn tận là Tuệ.

13. Để phòng vi phạm những điều ô nhiễm là nhờ Giới, để phòng các ám ảnh của ô nhiễm là nhờ Định, để phòng các tùy miên (khuynh hướng nội tại đưa đến ô nhiễm) là nhờ Tuệ.

Sự thanh lọc những ô nhiễm do tà hạnh là nhờ Giới; thanh lọc những ô nhiễm do dục tham là nhờ Định; và thanh lọc những ô nhiễm do tà kiến là nhờ Tuệ.

14. Lý do đắc quả Dự lưu và Nhất lai là Giới, quả Bất hoàn là Định, và quả A-la-hán là Tuệ. Vì bậc Dự lưu được gọi là người "thành tựu viên mãn các phẩm loại của giới", bậc Nhất lai cũng vậy. Bậc Bất hoàn được gọi là "viên mãn định" và A-la-hán là bậc "tuệ viên mãn".

15. Đến đây, chín nhóm "ba pháp" đã được nêu lên về các đức đặc biệt của Giới Định Tuệ, đó là ba môn học, giáo lý tốt đẹp ở ba phương diện, điều kiện cần để chứng ba minh, sự tránh hai cực đoan và tu tập trung đạo, cách vượt khỏi đoạ

xứ, khỏi dục và khỏi hữu, sự từ bỏ ô nhiễm ở ba bậc, sự đề phòng vi phạm, sự thanh lọc ba thứ nhiễm ô và lý do đắc các quả.

II. Giới

16. Mặc dù Thanh Tịnh Đạo được nêu như trên, với ba đề mục Giới, Định và Tuệ, mỗi thứ có những đức đặc biệt khác nhau, song sự chỉ dẫn ấy cũng còn quá vắn tắt, không đủ giúp ích mọi người, nên có loạt vấn đề sau đây nói về Giới trước:

(i) Giới là gì? (ii) Giới có nghĩa là gì? (iii) Gì là đặc tính, nhiệm vụ, tướng trạng và nhân gần của giới. (iv) Gì là lợi ích của giới? (v) Có mấy loại giới? (vi) Cái gì làm giới ô nhiễm? (vii) Cái gì làm giới thanh tịnh?

17. Đây là giải đáp.

(i) Giới là gì? Đó là các pháp khởi từ tư tâm sở (cetanà) hiện hữu nơi một người từ bỏ sát sinh, v.v. hay nơi một người thực hành viên mãn các học giới (vatta). Vô Ngại Giải Đạo (Patisambhidà) nói: "Giới là gì? Có giới là tư tâm sở (cetanà), có giới là các tâm sở, thọ, tưởng và hành (gọi chung là cetasika), có giới là sự chế ngự, có giới là không vi phạm". (Vô ngại giải đạo, 44).

Ở đây, Giới theo nghĩa tư tâm sở, là ý chí (tác ý) có mặt nơi người từ bỏ sát sinh, v.v.. hay nơi người thực hành viên mãn các giới. Giới theo nghĩa thọ, tưởng, hành là sự kiêng giữ nơi người từ bỏ sát sinh, v.v.. Lại nữa, Giới tư tâm sở là bảy tác ý đi kèm bảy trong mười nghiệp nơi một người từ bỏ sát sinh, v.v... Giới thọ, tưởng, hành tâm sở là ba pháp còn lại gồm vô tham, vô sân và chánh kiến, như kinh nói: "Từ bỏ tham, vị ấy an trú với tâm vô tham". (Trường i, 71)

18. Giới theo nghĩa chế ngự là sự chế ngự theo năm cách: Chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha (Ba-la-đề-mộc-xoa), chế ngự bằng tỉnh giác, chế ngự bằng tri kiến, chế ngự bằng kham nhẫn và chế ngự bằng tinh tiến.

Chế ngự bằng Giới bốn là: "Vị ấy được trang bị đầy đủ với sự chế ngự của Giới bốn Pàtimokkha" (Phân biệt luận 246); chế ngự bằng chánh niệm tỉnh giác là: "Vị ấy hộ trì nhãn căn, sống với sự chế ngự nhãn căn" (Trường i, 70). Chế ngự bằng tri kiến là như đức Thế tôn dạy:

Những dòng thác chảy trên đời Này Ajita, được ngăn chặn là nhờ chánh niệm. Ta tuyên bố sự chế ngự những bậc lưu Do tuệ, chúng bị chặn đứng. (Kinh tập, 1035)

Cách sử dụng bốn vật dụng cũng được bao gồm trong sự chế ngự này. Nhưng chế ngự bằng kham nhẫn thì như kinh dạy: "Vị ấy là người kham nhẫn lạnh, nóng" (Trung i, 10). Và chế ngự bằng tinh tiến là: "Vị ấy không chấp nhận một ý

tưởng thuộc tham dục khi nó khởi lên" (Trung i,11) . Ở đây, thanh tịnh sinh mạng được bao gồm. Vậy sự chế ngự gồm năm phần ấy và sự kiên giữ nơi những thiện nam, thiện nữ biết sợ điều ác mỗi khi gặp cơ hội vi phạm, đều gọi là Giới theo nghĩa chế ngự. Giới theo nghĩa không phạm là sự không vượt qua, bằng thân hoặc lời, các giới điều đã thọ.

19. (ii) Giới có nghĩa gì? Giới (sila) được gọi như thế là vì nó có nghĩa kết hợp (sìlana). Kết hợp có hai nghĩa: một là phối hợp (samàdhàna) chỉ sự không bất nhất trong ba nghiệp thân, lời và ý nhờ đức hạnh; hai là nâng lên (upadhàrana) nghĩa là nền tảng (àdhàra) vì giới là nền tảng cho những thiện pháp. Những người hiểu ngữ nguyên chỉ chấp nhận hai nghĩa này, song cũng có những người luận về ý nghĩa của giới là cái đầu (siras), là mát mẻ (sìtala).

20. (iii) Gì là đặc tính, nhiệm vụ, tướng trạng, và nhân cần của Giới?

Đặc tính của giới là phối hợp, Dù phân tích nhiều cách Cũng như "thấy được" là đặc tính của sắc, Dù phân tích nhiều cách.

Như đặc tính "có thể trông thấy" là đặc tính của sắc xứ, dù phân tích thành những loại xanh, vàng, v.v..., vì dù có phân ra như vậy, sắc pháp cũng không vượt ngoài tính "thấy được". Cũng thế, sự kết hợp - gồm hai nghĩa là "phối hợp" và "nền tảng" ở trên - là đặc tính của giới, dù chia nhiều loại như tư tâm sở, v.v..., vì dù có chia ra những loại như vậy, giới cũng không ra ngoài hai đặc tính là phối hợp và nền tảng (các thiện pháp).

21.

Trong khi đặc tính của giới là như vậy, nhiệm vụ của nó gồm hai nghĩa: Hành động để chấm dứt tà hạnh Và sự thành tựu kể như đức Không lỗi nơi người có giới.

Bởi thế, khi gọi là Giới, cần hiểu rằng nó có nhiệm vụ chặn đứng tà hạnh là nhiệm vụ (hay bản chất, rasa) của nó theo nghĩa hành động, và bản chất không-lỗi kể như nhiệm vụ nó trong nghĩa thành tựu. Vì ở đây chính hành động (kicca) hoặc sự thành tựu (sampatti) được gọi là nhiệm vụ.

22.

Theo lời những người trí, Giới thể hiện ở sự thanh tịnh Và nhân gần của giới Chính là tâm và quý.

Giới này được thể hiện bằng các thứ "thanh tịnh của thân, ngữ và ý" (Tăng chi i, 271). Giới được hiện rõ, được nhận chân qua sự thanh tịnh. Nhưng tâm và quý là cái nhân gần của giới, vì khi tâm quý có mặt, thì giới phát sinh và tồn tại; còn

khi tầm quý vắng mặt, thì giới không phát sinh cũng không tồn tại.

23. (iv) Những gì là lợi ích của Giới? Đó là có được nhiều đức đặc biệt mà đầu hết là bất hối, vì kinh dạy: "Này Ananda, giới là thiện; nó có mục đích là bất hối, có lợi ích là bất hối" (Tăng chi v,1). Và ở một đoạn khác: "Này gia chủ, có năm lợi ích cho người đức hạnh khi viên mãn giới, đó là: người có giới đức thừa hưởng gia sản lớn nhờ tinh cần, được tiếng tốt đồn xa, không sợ hãi rụt rè khi đến giữa hội chúng sát-đế-ly hay bà-la-môn hay gia chủ hay sa-môn, khi chết tâm không tán loạn, mệnh chung được sanh vào thiện thú, cõi trời. Đó là năm lợi ích." (Trường ii,86). Lại còn nhiều lợi ích của giới, đầu tiên là được thương mến và cuối cùng là đoạn trừ (phiền não) lậu hoặc như đoạn kinh nói: "Nếu một tỷ kheo có ước nguyện, mong rằng tôi được các vị đồng phạm hạnh yêu mến, kính trọng, thì vị ấy hãy thành tựu viên mãn các học giới." (Trung i,33).

24. Lại nữa,

Ai dám đặt một biên tế Cho những lợi ích do giới đem lại Khi mà không giới, thì thiện nam tử Không chân đứng trong giáo lý này? Không phải sông Hằng, Yamunà, Sông Sarabhù, Sarassatì, Hay dòng Aciravatì, Hay sông Mahì thánh thiện Có thể rửa sạch nhiễm ô Của các loài có hơi thở ở đời Mà chỉ có nước Giới mới có thể Rửa sạch những cấu uế nơi chúng sinh Không phải cơn gió đem mưa Hay hương chiên đàn vàng Hay chuỗi anh lạc, bảo châu Hay ánh trăng sáng diệu Có thể làm lắng những cơn sốt của người thế gian Mà chính giới khéo hộ trì Cao quý và mát mẻ tuyệt diệu, Mới dập tắt được ngọn lửa. Có làn hương nào sánh bằng làn hương giới Khi hương này dễ dàng bay ngược Cũng như xuôi gió? Có bậc thang nào bằng thang giới Có thể bắc lên đến cõi trời? Có cửa ngõ nào bằng cửa giới Mở đến thành Niết-bàn như vậy? Vua chúa trang sức châu báu Cũng không sáng chói bằng sự chói sáng của người trì giới Trang sức bằng giới luật. Giới làm tiêu tan nỗi sợ hãi Của sự tự khiển trách và những lỗi tương tự Giới luôn đem lại cho người trì giới niềm hoan hỷ Do danh tốt của giới Chừng ấy cũng đủ biết Quả báo của giới là thế nào Và thế nào, gốc rễ của mọi đức tính ấy Làm cho các lầm lỗi không còn sức mạnh.

25. (v) Có bao nhiêu loại Giới?

(1) Trước hết, tất cả giới thuộc một loại, do đặc tính "kết hợp" của nó.

(2) Giới thuộc hai loại là hành và tránh (tác, chỉ) (3) Hai loại là giới thuộc chánh hạnh, và giới khởi đầu đời sống phạm hạnh. (4) Hai loại, là kiêng và không. (5) Hai loại, là lệ thuộc và không. (6) Hai loại, tạm thời và trọn đời. (7) Hai loại, hữu hạn và vô hạn. (8) Hai loại, thế gian và xuất thế.

(9) Giới ba loại, là hạ, trung, thượng. (10) Ba loại, là giới vị kỷ, vị tha và vị pháp. (11) Có dính mắc (chấp thủ), không dính mắc, và an tịnh. (12) Thanh tịnh, bất tịnh, khả nghi. (13) Giới hữu học, vô học và giới của người không phải hữu học hay vô học.

(14) Giới bốn loại, là giới thối giảm, giới tù động, giới tăng tiến và giới thâm nhập. (15) Bốn loại, là giới tỷ kheo, tỷ kheo ni, giới của người chưa thọ cụ, và giới tại gia. (16) Bốn loại, là giới tự nhiên, giới theo cổ tục, giới tất yếu, và giới do nhân về trước. (17) Bốn loại, là giới thuộc Giới bốn Patimokkha, giới phòng hộ các căn, giới thanh tịnh sinh mạng và giới liên hệ bốn vật dụng.

(18) Giới năm loại, là thanh tịnh hữu hạn, vô hạn, thanh tịnh đã viên mãn, thanh tịnh không dính mắc, thanh tịnh đã tịnh chỉ. (19) Năm loại, là từ bỏ, kiêng, tác ý (tư tâm sở), chế ngự, và không phạm.

26. (1) Giới một loại, về ý nghĩa đã được trình bày. (2) Giới hai loại: hành và tránh: sự thành tựu viên mãn một học giới do đức Thế tôn dạy: "Điều này nên làm", thì gọi là hành (tác trì). Không làm những gì Ngài cấm chỉ rằng "Điều này không nên làm", gọi là tránh (chỉ trì). Ở đây ý nghĩa danh từ "hành" (caranti) là đi trong phạm vi của giới, đi như những bậc viên mãn giới đã đi; và phòng hộ, tránh né gọi là tránh. Sự giữ giới hay hành được thực hiện nhờ đức tin và tinh tấn, còn tránh nhờ đức tinh và chánh niệm.

27. (3) Chánh hạnh là cách cư xử tốt đẹp nhất, chính nó được gọi là Giới thuộc chánh hạnh, hoặc những gì được tuyên thuyết để cư xử đẹp cũng gọi là giới thuộc chánh hạnh. Đây là danh từ chỉ cho những giới ngoài tám giới (ba thuộc thân là không sát, đạo, dâm; bốn thuộc ngữ là không nói dối, nói ác, nói thô và nói vô ích, thứ tám là chánh mạng). Tám giới này là khởi đầu của đời phạm hạnh bao hàm đạo lộ nên được gọi là Giới khởi đầu phạm hạnh, vì cần phải được thanh tịnh trước, như Trung iii nói: "Thân nghiệp, ngữ nghiệp và hoạt mạng của vị ấy phải được thanh tịnh trước đây (Pubbe va kho pan 'assa kàyakammam àjivo suparisuddho hoti.-- Trung iii,289). Hoặc hai loại chỉ những tiểu giới kể như chánh hạnh và giới còn lại là giới khởi đầu đời phạm hạnh.

Hoặc những gì gồm trong giới luật tỷ kheo và tỷ kheo ni trong giới bốn Patimokkha là giới khởi đầu đời sống phạm hạnh, còn giới luật bao gồm trong những kiến độ (khandhakas) của Luật tạng (vinaya) gọi là giới thuộc chánh hạnh. Nhờ thành tựu chánh hạnh mà những giới khởi đầu đời phạm hạnh được viên mãn, nên kinh dạy: "vị tỷ kheo không viên mãn chánh hạnh mà có thể thành tựu giới khởi đầu đời phạm hạnh, điều ấy không thể xảy ra." (Tăng chi iii, 14-15).

28. (4) Kiêng là kiêng sát sinh, v.v. Không kiêng là các tư tâm sở, v.v.

29. (5) Có lệ thuộc và không lệ thuộc. Lệ thuộc có hai thứ: lệ thuộc vì tham và lệ thuộc do tà kiến. Lệ thuộc do tham là khi một người mong ước: "Nhờ giới hạnh này, tôi sẽ thành một vị trời lớn hoặc nhỏ." (Trung i, 102). Lệ thuộc tà kiến là khi một người có tà kiến: "Sự thanh tịnh là do cử hành các tế lễ." (Phân biệt luận 374). Nhưng giới xuất thế, và giới thế gian làm điều kiện tiên quyết cho giới xuất thế, gọi là giới không lệ thuộc.

30. (6) Giới tạm thời là được thọ có hạn định thời gian. Giới trọn đời là thọ trì đến khi mạng chung.

31. (7) Hữu hạn là giới bị hạn cuộc vào danh, lợi, quyền thuộc, chân tay hoặc mạng sống. Ngược lại gọi là giới vô hạn. Patisambhida nói: "Thế nào là giới bị hạn cuộc vào lợi? Đó là khi một người nguyên nhân lợi mà vi phạm một học giới đã thọ." Những giới hạn kia cũng vậy. Giới không bị hạn cuộc hay vô hạn là khi "một người, không vì lợi mà khởi tâm vi phạm, hướng hồ thực sự vi phạm, một học giới đã thọ." (Vô ngại giải đạo i, 44). Tương tự, với các giới hạn khác.

32. (8) Giới thế gian là giới hữu lậu và xuất thế là vô lậu. Giới thế gian đem lại một hậu hữu (thân cảnh trong tương lai) tốt đẹp, và là điều kiện tiên quyết để thoát ly sinh tử, như Luật nói: "Giới là để chế ngự, chế ngự là để khỏi hối, bất hối là để được hân hoan, hân hoan để được hỉ, hỉ để được khinh an, khinh an để được lạc, lạc để được định, định để được chánh tri kiến, chánh tri kiến là để được vô dục, vô dục để được ly tham, ly tham để giải thoát, giải thoát là để có giải thoát tri kiến, giải thoát tri kiến là để đi đến vô thủ trước Niết-bàn. Sự nói chuyện có mục đích ấy, nâng đỡ có mục đích ấy, khuyên bảo có mục đích ấy, nâng đỡ có mục đích ấy, lóng tai có mục đích ấy, tức là sự giải thoát nhờ không chấp thủ." (Luật v,164). Giới xuất thế đem lại sự thoát khỏi hữu, và là bình diện của trí quán sát.

33. (9) Giới ba loại: đầu tiên là giới bậc hạ, trung, thượng. Giới bậc hạ là giới phát sinh do ít tinh cần, ít dục, ít nhất tâm và ít trạch pháp (tức bốn như ý túc). Giới bậc trung là giới phát sinh nhờ tinh tấn, v.v. vừa vừa. Giới bậc thượng là giới phát sinh nhờ bốn pháp đó được thực hành cao độ. Giới thọ vì ham danh là giới bậc hạ, vì ham quả báo công đức là bậc trung, vì tôn quý giới là bậc thượng. Lại nữa, giới bị nhiễm ô vì khen mình chê người, v.v. như "ta có giới hạnh, còn những tỷ kheo khác tà hạnh, theo ác giới." (Trung i,193) là bậc hạ, giới thế gian mà không ô nhiễm là bậc trung, giới xuất thế là bậc thượng. Hoặc, giới có động lực là tham ái, với mục đích tái sinh là bậc hạ, giới thực hành vì mục đích giải thoát riêng mình là trung, các hạnh ba-la-mật thực hành vì giải thoát chúng sinh là bậc thượng.

34. (10) Giới thực hành vì bản thân, vì muốn bỏ những gì không thích hợp với tự ngã, gọi là giới vị kỷ. Giới thực hành vì quan tâm đến thế gian, vì muốn người đời khỏi chỉ trích, là giới vị tha. Giới thực hành vì tôn trọng Pháp và Luật, gọi là vị pháp.

35. (11). Giới "lệ thuộc" ở số 5 trên, gọi là có dính mắc vì dính mắc (thủ trước) do tham và tà kiến.

Giới được thực hành bởi phàm phu hữu đức làm điều kiện tiên quyết cho đạo lộ, và giới tương ứng với đạo lộ, ở các vị hữu học, thì gọi là giới không dính mắc. Giới tương ứng với quả của hữu học và vô học gọi là giới được an tịnh.

36. (12) Giới được viên mãn do một người không phạm giới tội, hoặc phạm mà đã sám hối, gọi là thanh tịnh. Vì phạm mà chưa sám hối, gọi là giới không thanh tịnh. Giới nơi một người còn nghi không biết việc này có phải là một giới tội hay không, hoặc không biết đã vi phạm giới nào, hoặc không biết mình có phạm không, gọi là khả nghi. Giới không thanh tịnh nên làm cho thanh tịnh. Giới còn nghi thì nên tránh làm những gì mình còn nghi vấn, và nên tìm cách giải quyết nghi.

37. (13) Giới tương ứng với bốn đạo và ba quả đầu, là giới của Hữu học. Giới tương ứng với quả A-la-hán là giới của bậc Vô học. Những loại còn lại là giới không thuộc hữu học vô học.

38. Trong thế gian, sila (giới) cũng dùng để chỉ bản tính, thói của người, nên Vô Ngại Giải Đạo (Patisambhidà) nói: "Ba loại giới (thói) là thiện, bất thiện và bất định." (Vô ngại giải đạo i,44). Giới bất thiện không được kể ở đây, vì nó không dính dấp đến ý nghĩa đã bàn về giới.

39. (14)

Giới bốn loại đầu tiên: Kẻ học ác tri thức không gần bậc giới đức ngu si không thấy được lỗi phạm giới ở đấy, tâm thường tà tư duy các căn không phòng hộ Giới nơi người như vậy dự phần vào thói giảm.

Người có tâm tự mãn với giới đã thành tựu không bao giờ nghĩ đến tập đề tài thiền định chỉ an phận trong giới không nỗ lực tiến lên Giới như vậy gọi là dự phần vào tù đọng.

Người có giới, nỗ lực với Định làm phương tiện để đạt đến mục tiêu, Giới của tỷ kheo này gọi là định cộng giới (giới tăng tiến: visesa)

Người thấy giới chưa đủ mà hướng đến ly dục Giới do ước vọng ấy gọi là đạo cộng giới (giới thâm nhập: nibbedha)

40. (15) Có những giới dành cho tỳ kheo không liên hệ đến những giới công bố cho tỳ kheo ni, gọi là giới tỳ kheo. Giới riêng cho tỳ kheo ni gọi là giới tỳ kheo ni. Mười giới của sa di và sa di ni là giới của người chưa thọ cụ túc. Ngũ giới hay thập giới, khi có thể giữ trọn đời và tám giới thọ vào ngày Uposatha (bồ tát) dành cho nam nữ tại gia, gọi là giới tại gia.

41. (16) Sự không-phạm của những người Uttarakuru gọi là tự nhiên giới. Mỗi bộ lạc, tông phái, địa phương, có luật riêng, gọi là giới theo tục lệ. Giới của mẹ bồ tát khi bồ tát nhập thai "không có tư tưởng dục nhiễm" gọi là giới tất yếu. Giới của những người thanh tịnh như Ma-ha Ca-diếp và của tiền thân Phật khi hành bồ tát hạnh gọi là giới do nhân đời trước.

42. (17). Giới bốn loại, thứ tư:

(a) Giới như đức Thế tôn mô tả: "Vị tỳ kheo sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ hành xử và chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ, nên vị ấy lãnh thọ các học giới." (Phân biệt luận 244), đây là Giới thuộc sự chế ngự của giới bốn.

(b) Giới được mô tả như sau: "Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, những nguyên nhân gì do đó mà nhãn căn không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc, ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng ... thực hành sự hộ trì ý căn." (Trung i, 180): đây là Giới phòng hộ các căn môn.

(c) Sự từ bỏ những tà mạng, không vi phạm sáu học giới liên hệ đến cách sinh sống, cái tà mạng lôi kéo theo những ác pháp như "lừa đảo, ba hoa, hiện tướng chê bai, lấy lợi cầu lợi." (Trung iii, 75): đây là Giới thanh tịnh mạng sống.

(d) Sự sử dụng bốn vật dụng, được thanh tịnh nhờ giác sát, như khi nói: "Chân chánh giác sát, vị ấy thọ dụng y phục chỉ để che thân khỏi rét." (Trung i, 10): đây là Giới liên hệ đến bốn vật dụng.

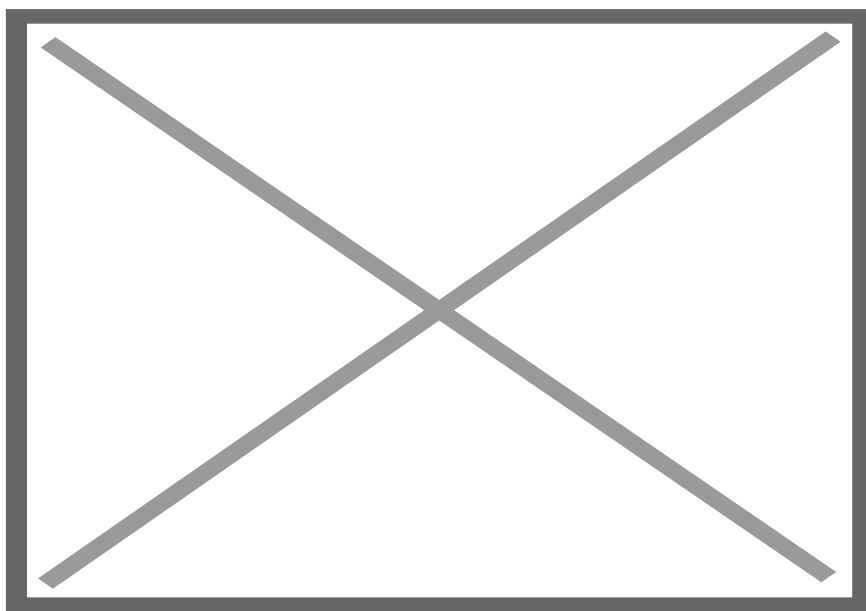
43. Sau đây là tóm tắt bình chú:

- (Đoạn 42.a): Chế ngự với sự chế ngự của giới bốn tức Pàtimokkha, vì nó giải thoát (mokkheti) người hộ trì (pàti) nó, vì nó làm cho vị ấy thoát khỏi (mocayati) các khổ của đọa xứ. Chế ngự là không - phạm về thân, lời. Sống là xử sự trong bốn uy nghi.

44. Đầy đủ hành xử và chánh hạnh v.v. ý nghĩa như kinh nói: "Có tà hạnh và chánh hạnh." Gì là tà hạnh? Đó là vi phạm về thân, lời, cả thân lẫn lời, những

việc làm mà Giới cấm chỉ. Như một người sinh nhai bằng cách đem cho tre, lá, hoa, quả, bột tắm, tắm xỉa răng, hoặc bằng cách nịnh hót, ve vuốt, hoặc bằng cách làm các việc vặt, hay bất cứ tà mạng nào bị Thế tôn quở trách. Chánh hạnh là gì? Là không vi phạm về thân và lời, về cả thân, lời. Là tất cả sự chế ngự bằng giới. Là không sinh nhai bằng những cách như trên.

45. Hành xứ: có hành xứ thích đáng và không thích đáng. Gì là hành xứ không thích đáng? Như khi một người có những dâm nữ làm chỗ lui tới, có đàn bà goá, gái già, bán nam bán nữ, tử kheo ni, hay tửu quán làm chỗ lui tới; hoặc vị ấy sống có liên hệ với vua hay cận thần, ngoại đạo, đồ đệ ngoại đạo, có liên hệ không thích đáng với cư sĩ; hoặc làm quen, giao thiệp, tôn trọng những gia đình không tín tâm, phỉ báng thô lỗ, những người muốn hại, muốn sự xấu xa, phiền não, không muốn sự chấm dứt hệ lụy cho những tử kheo, tử kheo ni, nam nữ cư sĩ. Đây là những hành xứ không thích đáng. Gì là hành xứ thích đáng? Như một vị không có những dâm nữ làm chỗ lui tới ...quán rượu làm chỗ lui tới,... không liên hệ không thích đáng với cư sĩ; vị ấy làm quen, lui tới, tôn trọng những gia đình có tín tâm, những người làm nguồn an ủi nơi nào có bóng hoàng y, có gió mát của bậc trí, những người mong mỗi điều tốt lành, hỉ lạc, mong chấm dứt hệ lụy cho tử kheo, tử kheo ni, nam nữ cư sĩ - đây là hành xứ chân chánh. Như thế, vị ấy được gọi là "đầy đủ hành xứ và chánh hạnh." (Phân biệt luận 244-7).



46. Lại nữa, chánh hạnh và hành xứ ở đây cần được hiểu như sau. Tà hạnh có hai là tà hành về thân và lời. Gì là tà hạnh về thân? Đó là "Xử sự thiếu cung kính trước tăng, đứng, ngồi, chen lấn với các vị thượng tọa, đứng ngồi trước mặt các vị thượng tọa, ngồi chỗ cao, ngồi bịt đầu, đứng mà nói chuyện, vung tay khi nói, đi giày dép trong khi các thượng tọa đi chân trần, đi chỗ cao trong khi các thượng tọa đi chỗ thấp, đi trên đường chính trong khi các thượng tọa đi chỗ không có đường... Đứng, ngồi thúc vào các vị thượng tọa, tranh chỗ với các tỷ

kheo mới... Vào buồng tắm,... chưa hỏi các thượng tọa mà đã để củi trên lò, khóa cửa... Tại chỗ tắm, vừa đi vừa vẩy nước nhằm các thượng tọa, đi vào chỗ tắm trước mặt các thượng tọa, tắm vẩy nước vào các thượng tọa, tắm trước mặt các vị. Khi đi ra thì chen lấn các thượng tọa, đi ra trước mặt họ, vào nhà cũng chen lấn đi trước, đẩy họ ra mà chen tới... Tại những nhà gia chủ có phòng riêng kín đáo, dành cho đàn bà con gái, thì vị ấy đường đột đi vào, vượt đầu trẻ con."(Nghĩa thích i, 228-9). Đây gọi là tà hạnh về thân.

47. Ở đây, gì là tà hạnh về lời? "Đó là khi một người xử sự vô lễ trước chúng Tăng. Không xin phép những vị Thượng Tọa mà nói về Pháp, trả lời các câu hỏi, tụng giới, đứng nói vung tay. Vào nhà người gặp phụ nữ hay thiếu nữ thì ba hoa kiêu như: "Ê chị X, có gì ăn đấy? Có cháo không? Có cơm không? Có đồ gì cứng để ăn không? Chúng tôi sẽ uống cái gì? Những gì là đồ ăn loại cứng? Những gì là đồ ăn loại mềm? Chị sẽ cho ăn cái gì?" (Nghĩa thích i, 230). Đây là tà hạnh về lời.

48. Chánh hạnh cần hiểu là ngược lại với những điều trên. Hơn nữa, vị tử kheo có lễ độ, biết kính nhường, có tâm quý, mặc hạ y, thượng y một cách thích đáng, tác phong vị ấy làm khởi dậy niềm tin dù khi vị ấy đi tới đi lui, nhìn trước hay nhìn hai bên, co tay hay duỗi, mắt vị ấy thường ngó xuống, vị ấy có uy nghi, phòng hộ các căn môn, tiết độ trong sự ăn uống, chánh niệm tỉnh giác, đầy đủ sự tự giác, ít muốn, biết đủ, tinh cần, cẩn thận gìn giữ chánh hạnh, hết lòng cung kính những vị giáo thọ sư. Đây là chánh hạnh.

49. Hành xứ (thích đáng) gồm ba sự hỗ trợ làm hành xứ, sự phòng hộ làm hành xứ, và sự buộc chặt làm hành xứ. Sự hỗ trợ làm hành xứ là, một người bạn tốt nói mười loại chuyện: "Nói về ít muốn, biết đủ, ẩn dật, độc cư, tinh tấn, giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến." (Trung i, 145), người bạn từ đó ta được nghe những điều chưa nghe, sửa sai những điều đã học, tẩy được những nghi vấn, làm chánh lại sự thấy biết, được đức tin, hoặc nhờ học với người ấy mà ta tăng trưởng về tín, giới, văn, bố thí và trí tuệ. Đây là sự hỗ trợ làm hành xứ.

50. Sự phòng hộ làm hành xứ là, "một tử kheo khi đi vào một ngôi nhà, một con đường, thì đi với mắt nhìn trước khoảng một tầm, chế ngự nhãn căn, không nhìn voi, ngựa, xe, người bộ hành, đàn bà, đàn ông ; không ngó lên, ngó xuống, ngó chỗ này chỗ kia." (Nghĩa thích i, 474).

51. Sự buộc chặt làm hành xứ là bốn niệm xứ mà tâm được buộc vào, vì thế đức Thế tôn dạy: "Này các tử kheo, gì là hành xứ của một tử kheo, quê hương vị ấy? Chính là bốn niệm xứ quán."(Tương ưng v,148).

Được trang bị như vậy, được cung cấp đầy đủ như vậy, bằng chánh niệm và (chánh) hành xứ này, nên vị ấy được gọi là "đầy đủ hành xứ và chánh hạnh."

52. Thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ (Đoạn 42): "lỗi nhỏ" là như sự vô tình vi phạm một học giới nhỏ nằm trong Giới bốn, hoặc có một ý nghĩ bất thiện khởi lên. Vị ấy chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới: Có bao nhiêu học giới, vị ấy đều học tập lãnh thọ một cách chân chánh (samàdàya). Câu "một người chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn", giới thuộc về sự chế ngự của Giới bốn được nêu bằng người, còn "đầy đủ chánh hạnh và hành xứ" chỉ phương pháp thực hành nơi vị đã viên mãn giới.

53. (b) Bây giờ, hãy nói về giới thuộc sự chế ngự các căn môn, được nêu lên kế tiếp (Đoạn 42.b). Khi mắt thấy sắc: khi thấy một vật bằng nhãn thức có khả năng thấy, nhưng nương vào con mắt làm dụng cụ nên lấy tên "mắt". Cổ đức (Poràṇa) nói: "Con mắt không thấy vì nó không có tâm. Tâm không thấy vì không có mắt. Nhưng khi có chạm xúc giữa căn và trần thì có thấy, do thức có thị giác làm nền tảng vật lý cho nó. (Thị giác, kinh gọi là mắt-tĩnh sắc: eye-sensitivity - chỉ đồng tử hay con ngươi). Vậy ý nghĩa thực sự ở đây là: khi thấy sắc với nhãn thức".

54. Không nắm giữ tướng chung, không để ý tướng đàn bà hay đàn ông, hay bất cứ tướng gì làm căn bản cho ô nhiễm, như tướng đẹp, v.v.: Vị ấy dừng lại ở cái thấy, cũng không nắm giữ tướng riêng: vị ấy không để tâm bất cứ khía cạnh nào như tay, chân, nụ cười, tiếng nói, nhìn thẳng, nhìn nghiêng, v.v. gọi là những tướng chi tiết, vì chúng phát sinh ra từng ô nhiễm khác nhau, vì chúng nổi bật. Vị ấy chỉ thấy cái gì thực sự đang ở đấy. Như trưởng lão Mahà-Tissa ở Cetiyaṇapabbata.

55. Khi trưởng lão đang trên đường đi từ Cetiyaṇapabbata đến Anuràdhapura để khất thực, có một nàng dâu của một ông trưởng giả gây lộn với chồng nên khởi hành từ sáng sớm ở Anuràdhapura, trang sức lộng lẫy như tiên nữ, để về nhà bà con. Nàng trông thấy trưởng lão, và do tâm hồn hạ liệt, bật lên một tràng cười lớn. Ngạc nhiên không hiểu có chuyện gì xảy đến, vị trưởng lão nhìn lên, và khi được "bất tịnh tướng" nơi hàm răng của nàng, ngài đặc quả A-la-hán. Do đó có bài kệ:

Thấy xương hàm răng Duy trì "cốt tướng" Chưa dời chân bước Quả chứng vô-sanh.

Chồng nàng đi tìm nàng, gặp trưởng lão anh ta hỏi: "Bạch đại đức, ngài có tình cờ trông thấy một người đàn bà nào qua đây không?" Trưởng lão bảo:

"Không rõ ông hay bà Vì ta không để ý Nhưng trên đường cái này Có đóng xương di động."

56. Qua đó (đoạn 42) nghĩa là, vì nguyên nhân ấy mà có sự không chế ngự của nhãn căn (và các căn khác). Nếu vị ấy không phòng hộ nhãn căn nghĩa là không dùng cánh cửa chánh niệm mà đóng nhãn căn lại. Xâm nhập là đe dọa vị ấy.

57. Không có gì là "chế ngự" hay "không chế ngự" nơi nhãn căn, vì đối với mắt tịnh-sắc, không có tỉnh giác hay thất niệm. Nhưng khi một sắc pháp đi vào sự chú ý của mắt, thì hữu phần khởi lên hai lần và diệt, rồi đến duy tác ý giới làm nhiệm vụ hướng tâm (chú ý) khởi và diệt, rồi đến nhãn thức với nhiệm vụ thấy, rồi đến dị thức ý giới làm nhiệm vụ tiếp thọ, rồi đến dị thức vô nhân ý-thức-giới với nhiệm vụ suy đạt, rồi đến duy tác vô nhân ý- thức-giới làm nhiệm vụ xác định, khởi và diệt. Kế tiếp là tốc hành tâm. Trong đây, không có gì là chế ngự hay không chế ngự vào giai đoạn hữu phần, hay bất cứ giai đoạn nào sau đó từ hướng tâm trở đi. Song khởi từ giai đoạn tốc hành tâm, nếu không chánh hạnh, nếu có sự thất niệm, vô tri, không kiên nhẫn, lười biếng khởi lên, thì gọi là "không chế ngự nhãn căn."

58. Tại sao? Vì khi ấy có nghĩa, là căn môn không được phòng hộ, hữu phần và các tâm thuộc lộ-trình-tâm cũng không được phòng hộ. Ví như khi, bốn cổng của một đô thành không được bảo đảm, thì dù cho các cửa của những ngôi nhà, kho chứa v.v. bên trong thành được khóa kỹ, tài sản bên trong thành cũng không được bảo đảm, vì kẻ cướp sẽ vào thành tha hồ vơ vét. Cũng vậy, khi có sự không chánh hạnh, v.v. khởi lên ở giai đoạn tốc hành, vì không chế ngự, thì căn môn cũng không được chế ngự, hữu phần và các tâm thuộc lộ trình kể từ hướng-tâm, cũng không được phòng hộ. Nhưng khi giới, v.v. khởi lên ở giai đoạn tốc hành, thì như vậy căn môn cũng được phòng hộ, hữu phần và các tâm thuộc lộ trình cũng được phòng hộ. Ví như khi cổng thành đã chắc chắn, thì dù bên trong, các cổng nhà ở, nhà kho v.v. không chắc, tài sản trong thành vẫn được gìn giữ, bảo đảm, vì cổng thành đóng, kẻ cướp không thể xâm nhập.

Bởi thế, mặc dù sự chế ngự chỉ thực sự bắt đầu ở giai đoạn (sát-na) tốc hành tâm, song vẫn gọi là "chế ngự nhãn căn". Việc nghe tiếng, ngửi mùi v.v. cũng vậy.

59. Vậy chính loại giới này, có đặc tính là tránh nắm giữ những tướng có thể kéo theo ô nhiễm liên hệ đến sáu trần, gọi là giới chế ngự các căn môn.

60. (c) Bây giờ hãy nói đến giới thuộc thanh tịnh sinh mạng (Đoạn 42.c). Câu "sáu học giới liên hệ đến cách sinh sống" có nghĩa: "Vì nguyên nhân sinh nhai, vì lý do sinh nhai, mà một người có ác dục, làm mỗi cho dục, tự xưng được thượng nhân pháp mà kỳ thực không có" bị phạm tội ba-la-di; vì nguyên nhân,

"vì lý do sinh nhai mà một người làm môi giới" phạm, bị tội tăng tàn; "Vì nguyên nhân sinh nhai mà nói: Một tỷ kheo ở trong chùa của bạn là một bậc A-la-hán" phạm bị tội ba-dật-đề nếu người ấy biết có tội mà cứ nói; "Vì nguyên nhân, lý do sinh nhai mà một tỷ kheo không bệnh xin món ăn thượng vị để dùng riêng" phạm thì phải sám hối ; cũng giới ấy, tỷ kheo ni phạm thì phải phát lộ ; cũng giới ấy, người chưa thọ cụ túc phạm thì bị tội ác tác. (Luật v,146). Đó là sáu giới liên hệ đến cách sống.

61. Lừa đảo (xem 42.c) - Kinh văn: "Thế nào là lừa đảo? Ấy là bịp lừa bằng cách (giả vờ) từ chối bốn vật dụng, bằng cách nói gián tiếp, bằng uy nghi ... nơi một người ham lợi dưỡng, danh dự, một người có ác dục, làm mỗi cho dục."

62." Thế nào là ba hoa? Ấy là nói tạt vào người ta (bất kể họ có nghe hay không), nói nhiều, nói quanh, tăng bốc, tăng bốc quá lối, thuyết phục, thuyết phục dai, gợi ý, gợi ý dai, nói mê ly, nịnh hót, tán dóc, nói vuốt ve, nơi một người thiên về lợi, danh dự và tiếng tăm, người có ác dục, làm mỗi cho dục."

63. "Thế nào là hiện tướng? Dấu hiệu, ra dấu cho người, ám chỉ, làm ám chỉ, nói bóng gió, nói vòng vo, nơi một người thiên về lợi dưỡng..."

64. "Thế nào là chê bai? Là nhiếc móc, dèm pha, chê trách, nói mỉa, mỉa mai liên tục, nhạo báng, nhạo báng liên tục, bôi nhọ, bôi nhọ liên tục, mách lẻo, cắn sau lưng, nơi một người thiên về lợi dưỡng..."

65. "Thế nào là lấy lợi cầu lợi? Cầu là tìm, kiếm chác, mưu cầu của cải bằng phương tiện của cải, như đem vật được chỗ này đi đến chỗ khác, vật được chỗ khác đem đến chỗ này, nơi một người thiên về lợi dưỡng..." (Phân biệt luận 352-3)

66. Ý nghĩa đoạn kinh dẫn ở đoạn số 61 cần được hiểu như sau. Có ác dục là mong muốn chúng tôi có những đức tính mà mình không thực có. Làm mỗi cho dục: bị dục vọng tấn công. Bằng cách từ chối bốn vật dụng, bằng cách nói gián tiếp, bằng uy nghi: là ba cách lừa đảo được nêu lên trong Mahà-niddeśa (Đại phẩm - Nghĩa thích).

67. Một vị tỷ kheo được cúng dường y, v.v., và chính vì ham muốn những thứ ấy, ông lại từ chối do ác dục. Vị ấy biết cư sĩ tin tưởng ông sẽ nghĩ: Vị đại đức của chúng ta thật là thiếu dục, ngài nhất quyết không nhận vật gì. Thật là may mắn cho ta nếu ngài chịu nhận chỉ chút ít vật dụng! Rồi họ tìm đủ cách đặt trước mặt vị ấy những y thượng hạng, v.v. Ông bèn nhận, vừa làm ra vẻ chỉ nhận vì lòng từ bi đối với họ. Đây là sự giả dối nơi vị tỷ kheo, để khiến cho cư sĩ sau đó mang từng xe bò lễ vật đến cúng. Đó là lừa đảo bằng cách từ chối.

68. Trong Mahà-niddesa (Đại phẩm - Nghĩa thích) nói: "Thế nào là lừa đảo bằng cách từ chối vật dụng? Ví dụ cư sĩ mời tỷ kheo nhận y, thực, sàng tọa, dược phẩm. Một người có ác dực, làm mỗi cho dực, ham được y, thực, sàng tọa, dược phẩm, nhưng lại từ chối, vì muốn được nhiều hơn. Vị ấy bảo: Một người sa môn khổ hạnh có cần gì đến những tấm y đắt giá? Chỉ nên nhặt giẻ rách, ở đồng rác hay cửa tiệm, mà làm y phục. Sa môn khổ hạnh cần gì đến thực phẩm đắt giá? Chỉ nên khát thực để sống. Sa môn khổ hạnh cần gì đến giường đắt giá? Chỉ nên sống dưới gốc cây hay ngoài trời. Sa môn khổ hạnh cần gì đến dược phẩm đắt tiền? Chỉ nên chữa bệnh bằng nước tiểu." Bởi thế, vị ấy mặc y thô xấu, ăn đồ khát thực tồi, ở chỗ tồi, dùng thuốc tồi để trị bệnh. Các cư sĩ thấy vậy, nghĩ: Sa môn này ít muốn, biết đủ, sống viễn ly, độc cư, tinh tấn, thật là một người thuyết giảng về khổ hạnh. Rồi họ lại càng muốn cúng dường vị ấy y phục, thực phẩm, sàng tọa, dược phẩm. Vị ấy bèn nói: "Có ba điều kiện làm cho một vị thiện gia nam tử được nhiều công đức: lòng tin, sự bố thí, và một người xứng đáng để nhận. Người có lòng lại có vật bố thí, và lại có ta ở đây. Nếu ta không nhận, thì người sẽ mất phước. Điều ấy không tốt. vậy thì ta sẽ nhận, vì lòng thương tưởng đối với người." Cứ thế vị ấy nhận thật nhiều y phục, thực phẩm, sàng tọa, dược phẩm. Đó là một hình thức lừa đảo vậy." (Nghĩa thích i, 224-5).

69. Là sự giả dối nơi người có ác dực, khi vị ấy nói cách này cách khác làm cho người ta hiểu rằng mình đã đạt được pháp thượng nhân (siêu việt con người). Đó gọi là lừa đảo bằng cách nói gián tiếp như đoạn kinh sau: "Gì là ví dụ về lừa đảo bằng cách nói gián tiếp? Một người có ác dực, làm mỗi cho dực, mong được thán phục mà nói những lời liên hệ đến thánh pháp. Vị ấy bảo: Người đắp một cái y như vậy, lọc nước như vậy, chìa khóa như vậy, đai lưng như vậy, dép như vậy, là một sa môn rất quan trọng. Hoặc bảo: người có một giáo thọ sư như vậy, y chỉ sư như vậy, đồng giáo thọ sư, đồng y chỉ sư, người có bạn như vậy, cộng sự viên như vậy, thân thuộc như vậy, người ở trong một ngôi chùa như vậy, mái che như vậy, nhà như vậy, vi la như vậy, hang, động, lều, trại, tháp canh, phòng lớn, vừa lú, phòng hội như vậy, hoặc ở gốc cây như vậy, là một nhà khổ hạnh rất quan trọng." Hoặc, với nét mặt nhăn nhú, mưu mô, xảo quyệt, làm điệu bộ thán phục, nói thao thao bất tuyệt, vị ấy thốt lên những lời sâu xa, bí mật, xảo lá, tối nghĩa, lời siêu phàm rỗng tuếch như "sa môn ấy là một vị đã đạt đến những tịnh trú và có những thiền trú như vậy như vậy." Đây gọi là nói gián tiếp.

70. Là sự giả dối nơi một người ác dực, khi vị ấy làm những dáng điệu cố ý để được thán phục, như đoạn: "Thế nào là lừa đảo bằng uy nghi? Ví như, một người có ác dực, làm mỗi cho dực, muốn được khen, nên làm bộ tịch khi đi, vị ấy bước đi có nghiên cứu, đứng có nghiên cứu ngồi có nghiên cứu, nằm có nghiên cứu. Vị ấy bước đi làm bộ như rất dăm chiêu, khi đứng, ngồi, nằm dường như rất tập trung quán tưởng. Vị ấy là người tọa thiền giữa công cộng. Sự làm bộ, sắp đặt,

phô trương uy nghi như thế được gọi là lừa đảo bằng uy nghi." (Nghĩa thích i, 225-6).

71. Kinh văn: bằng cách từ chối bốn vật dụng có nghĩa là dùng cái phương tiện gọi là "từ chối...". Nói gián tiếp là nói gần với đề tài. Bằng uy nghi là đi đứng nằm ngồi.

72. Những lối nói ba hoa (đoạn 62) là nói tạt vào: như khi vừa thấy người đi vào tinh xá, bèn nói: "Đi đâu đó, cư sĩ? Mời tăng chúng thọ trai à? Nếu vậy thì cứ việc đi trước đi, tôi sẽ mang y bát đến sau." v.v. hoặc tự quảng cáo như sau: "Tôi là Tissa, vua rất tín nhiệm tôi, đại thần của vua...rất tin cậy tôi." Kể lể (nói nhiều) cũng tương tự, khi được hỏi một điều gì. Nói quanh là nói vòng vo tam quốc vì sợ cư sĩ bất mãn sau khi đã tạo cơ hội cho họ Phật ý. Tăng bốc là nói ca tụng người ta, như: "Ông ấy là một đại địa chủ, đại thuyền chủ, đại thí chủ." Tăng bốc liên tục (tăng bốc quá lố) là nói đủ cách để ca tụng người.

73. Thuyết phục là nói lời ràng buộc thì tay cũng già (nayhanà do động từ nayhati có nghĩa là buộc lại, cột lại). Như nói: "Cư sĩ, trước kia các vị thường cúng trái cây vào giờ đó, tại sao bây giờ không cúng nữa?" Nói thế nào để cuối cùng, người kia phải nói: "Bạch đại đức, chúng con sẽ cúng, lâu nay vì không có dịp" v.v. Đây là buộc ràng họ. Hoặc, khi trông thấy một người tay cầm mía, vị tỷ kheo bèn hỏi: "Từ đâu về đây, đạo hữu?" - Bạch đại đức, con ở ruộng mía về ạ." - Mía ở đây có ngọt không, nhỉ?" -Bạch đại đức, cần phải ăn vào mới biết được." - Này cư sĩ, một tỷ kheo không được phép nói: cho tôi mía! " Nói như vậy tức là ràng buộc người ta, khiến họ phải cho. Đây gọi là thuyết phục. Thuyết phục nhiều lần, dùng nhiều cách, gọi là thuyết phục dai dẳng (nói dai).

74. Gợi ý là ám chỉ, bằng cách nêu một trường hợp đặc biệt như: "Chỉ có gia đình đó là hiểu tôi thôi. Có gì, họ chỉ cúng dường cho tôi." Hoặc, như câu chuyện người bán dầu sau đây. Hai tỷ kheo đi vào làng, ngồi trong nhà đợi. Thấy một cô gái, họ bèn gọi nàng lại. Rồi vị này hỏi vị kia: "Nàng này là con gái nhà ai thế?" - Hiền giả, nàng là con gái của người bán dầu vẫn thường ủng hộ chúng ta đấy. Mỗi khi chúng tỷ kheo đi đến nhà mẹ nàng, bà thường cho bơ trong hủ. Và cô này cũng cho bơ trong hủ như mẹ." (Chú giải Thanh tịnh đạo, Pm. 46) Đó gọi là gợi ý. Gợi ý nhiều cách, nói mãi, thì gọi là gợi ý liên tục.

75. Nói lời mê ly là nói lời êm tai lặp đi lặp lại nhiều lần, bất kể đúng hay không, hợp pháp hay không. Nịnh hót là nói một cách hèn hạ, luôn luôn giữ thái độ kẻ dưới. Tán dóc là nói thật nhiều nhưng chỉ đúng một ít.

76. Nói vuốt ve như người ta vuốt ve, vỗ về con nít.

77. Hiện tượng (nemittikatà) tượng là một dấu hiệu bằng thân hay lời, để làm người ta cho mình vật dụng. Ra hiệu là làm một dấu hiệu có ý hỏi: "Bạn có gì để ăn đấy?" v.v. khi trông thấy người đang mang thức ăn. Ám chỉ là nói xa gần tới vật cần dùng. Làm ám chỉ: như khi thấy mực tử dắt ghé đi ngang, vị tỷ kheo hỏi: "Đấy là ghé con của bò cái vắt sữa hay bò cái cho bơ?" - Bạch đại đức, bò cái vắt sữa." Vị tỷ kheo nói lại: "Không phải bò cái vắt sữa, vì nếu là bò cái vắt sữa, thì các tỷ kheo đã có sữa mà uống!" v.v., cốt làm cho đứa bé về thuật lại với cha mẹ, để họ đem sữa đến cúng.

78. Nói bóng gió là nói gần đề tài, tỉ như câu chuyện về một tỷ kheo được một gia đình ủng hộ. Vị ấy muốn ăn, nên đi vào nhà ấy mà ngồi. Nữ chủ không muốn bố thí, nên vừa trông thấy vị tỷ kheo, bà bảo ngay: "Không có cơm." Đoạn đi sang nhà hàng xóm, làm bộ đi lấy cơm. Vị tỷ kheo đi vào bếp, nhìn quanh, thấy cây mía sau cánh cửa, đường đựng trong tô, xâu cá trong rổ, gạo trong chum và bơ trong hủ. Vị ấy trở ra, ngồi. Khi nữ chủ trở lại, bà bảo vị tỷ kheo "Tôi không kiếm được chút cơm nào cả." Vị tỷ kheo liền nói: "Này thí chủ, tôi đã thấy một điềm báo rằng hôm nay không dễ gì được đồ ăn khát thực." - "Đại đức nói sao?" - "Tôi thấy một con rắn giống như cây mía ở trong góc đằng sau cánh cửa. Đi tìm vật gì để ném nó, tôi gặp cục đá, giống như cục đường trong tô. Khi tôi ném cục đất vào con rắn, thì nó dương ra một cái mồng trông như xâu cá ở trong rổ, và khi nó nhe răng để cắn cục đất, răng nó trông như những hạt gạo trong chum. Rồi nước bọt hoà lẫn nọc rắn phun ra khỏi miệng nó trong khi nó tức giận, trông như bơ đổ trong hủ." Bà chủ nghĩ: "Không dễ gì bịp kẻ bợm giả" và buộc lòng phải biếu tỷ kheo cây mía, nấu cơm cho ông, và cho luôn cả các vật dụng kia.

79. Nói xa gần đề tài chính là nói bóng gió. Nói vòng vo là nói xoay quanh đề tài.

80. Chê bai (mạt sát) gồm những cách như: nhieć móc là dùng mười cách mắng nhieć, "đồ ăn trộm, đồ ngu, đồ điên, đồ lạc đà, đồ bò, đồ lừa, giống phạm giới, giống địa ngục, đồ súc sinh, đồ giống gì đâu". Dèm pha là nói lời khinh bỉ. Chê trách là kể những lỗi lầm. Nói mỉa là khi một người nào không bố thí, vị ấy mỉa rằng: "Thật là vua các thí chủ." Nói mỉa đủ cách, đưa ra những lý lẽ, gọi là mỉa mai liên tục hoặc mỉa mai quá đáng, như nói về một người không bố thí: "Đó là một đại thí chủ." Nhạo báng là nói chế nhạo, như: "Sống cái kiểu gì mà ăn hết cả thóc giống." Nhạo báng liên tục như bảo: "Sao? Người ấy mà bạn nói không phải thí chủ? Đối với ai, y cũng cho một lời "không có" đấy chứ."

81. Bôi nhọ là chỉ trích, (hạ giá) người nào. Bôi nhọ liên tục là chê bai đủ cách. Mách lẻo là đem chuyện nhà này sang nhà khác, làng này sang làng khác, vùng này đến vùng khác, vì nghĩ "như vậy chúng sẽ cúng cho ta, vì sợ ta đi nói chỗ

này chỗ kia". Cắn sau lưng hay nói hai lưỡi, là chỉ trích người nào sau lưng họ, sau khi đã nói tốt trước mặt, như cắn vào thịt sau lưng người ta khi họ không thấy được. Đó là thái độ của người không thể nhìn ngay trước mặt người. Tất cả cách nói trên đây, gọi là chê bai hay mặt sát (nippesikata) vì nó nạo hết (nippeseti) chùi hết những đức tính của người, hoặc vì đây là sự mưu cầu lợi dưỡng bằng cách nghiền nát, tán nhỏ đức tính của người, như nghiền nát các loại hoa để mà lấy hương.

82. Lấy lợi cầu lợi: cầu là săn đuổi. Được chỗ này (đoạn 65) là xin được ở nhà này. Chỗ khác là nhà khác. Tìm là mong muốn. Kiếm chác là săn đuổi một cách liên tục, như chuyện vị tỷ kheo đi khắp nơi, đem những vật đã xin bố thí cho trẻ con trong các gia đình để cuối cùng được cúng sữa và cháo.

83. Những ác pháp như cần hiểu là kể cả những việc nói trong kinh Phạm võng (Brahmajàla): "Trong khi một số sa môn, bà-la-môn dù đã dùng các món ăn do tín thí cúng, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muối..." (Trường i,9).

84. Tà mạng này do đó kéo theo sự vi phạm sáu học giới đã được chế liên hệ đến lối sinh sống, nó còn kéo theo những ác pháp khởi đầu bằng lừa đảo, ba hoa, hiện tướng, chê bai, lấy lợi cầu lợi. Bởi vậy, chính cái việc tránh xa mọi thứ tà mạng mới được gọi là giới thanh tịnh sinh mạng. Cái mà chúng ta nhờ vào để sống, gọi là sinh mạng. Đó là cái gì? Là nỗ lực để tìm kiếm những vật dụng. Thanh tịnh sinh mạng là làm sạch cách sống.

85. (d) Giới liên hệ bốn vật dụng. Kinh văn: "Chân chánh giác sát, vị tỷ kheo thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của bọ chét, ruồi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; chỉ với mục đích che đậy sự hổ thẹn.

Chân chánh giác sát, vị ấy thọ dụng món ăn khát thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp, mà chỉ để thân này được sống lâu, được bảo dưỡng, để khỏi bị tổn hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ: "Như vậy, ta sẽ diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, ta sẽ sống khỏe mạnh, không lỗi lầm và an ổn." Chân chánh giác sát, vị ấy thọ dụng trú xứ chỉ để ngăn ngừa nóng lạnh, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ để tránh những nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư nhàn tịnh. Chân chánh giác sát, vị ấy thọ dụng nhu yếu về dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sinh, để được ly khổ hoàn toàn." (Trung i, 10).

Giải: chân chánh giác sát là sự tác ý (manasikàra) kể như một phương tiện và một con đường, nó có nghĩa biết rõ, xét rõ. Đó là sự xét rõ như sau: "để ngăn ngừa lạnh" v.v.

86. Y phục chỉ bất cứ loại nào kể từ áo lót. Vị ấy thọ dụng dùng, mặc (áo trong). Chỉ: không ngoài mục đích. Mục đích của thiền giả khi thọ dụng y phục không ngoài những chuyện ngăn ngừa lạnh, v.v. Ngăn ngừa lạnh: ngăn cái lạnh thuộc bất cứ loại nào, từ bên trong do tứ đại xáo trộn, hay lạnh từ bên ngoài do thời tiết thay đổi. Ngăn ngừa nóng là hơi nóng của lửa, do đám cháy rừng, v.v.

87. Ngăn ngừa sự xúc chạm của bộ chết, ruồi, sức nóng mặt trời, các loài bò sát: "Bộ chết" là thứ ruồi muỗi hút máu thú vật. Gió có hai: gió có bụi và gió không bụi. "Bò sát" là những sinh vật dài như rắn, v.v. di chuyển bằng cách bò trên mặt đất. "Sự xúc chạm" có hai: xúc chạm bằng cách bị chúng cắn, và xúc chạm bằng cách bị chúng bò trên mình.

88. Chỉ để che đậy sự hổ thẹn: "Chỉ" là nói một mục đích bất biến, vì "che đậy sự hổ thẹn" là mục đích có tính cách bất biến, còn các việc khác (ngăn ngừa...) là những mục đích có tính cách giai đoạn, của sự thọ dụng y phục. "Sự hổ thẹn" chỉ bộ phận sinh dục, vì khi một phần nào của bộ phận ấy lộ ra, thì tâm "tàm" bị thương tổn. Bộ phận ấy gọi là "sự hổ thẹn" (hirikopina) vì nó gây ra sự xáo trộn của tâm lý hổ thẹn, hirikopana.

89. Đồ ăn khát thực là đủ loại thức ăn, gọi là pindapàta (bỏ vào từng nắm) vì đồ ăn ấy được thả vào (patitattà) trong bình bát của tỷ kheo trong khi vị ấy đi xin ăn (pindolya). Hoặc, sự thả vào bát từng nắm (pinda), sự thu thập (sannipatà) các của bố thí (bhikkhà) chỗ này chỗ nọ. Không phải để vui đùa: không vì mục đích chơi đùa, như trai trẻ ở các làng xóm, không phải để đam mê, không vì mục đích say mê, như các võ sĩ, say mê có sức mạnh, hùng tính, v.v. Không phải để trang sức, không với mục đích làm dáng, như thể nữ của vua, dâm nữ, v.v. muốn có chân tay tròn trịa. Không để tự làm đẹp, không vì mục đích trang điểm, như các đào kép, diễn viên vũ công, v.v. muốn có làn da sáng sủa.

90. Câu "không để vui đùa" được nói là để từ bỏ si tăng trưởng, "không để đam mê" là từ bỏ sân tăng trưởng, "không phải để trang sức và làm đẹp" là để từ bỏ tham tăng trưởng. Và, hai câu đầu là để ngăn ngừa trói buộc khởi lên cho chính bản thân, còn câu thứ ba là ngăn ngừa trói buộc khởi lên cho người khác.

91. Thân này, cái xác thân gồm bốn đại. Để được sống lâu, là để tiếp tục sống. Được bảo dưỡng là để khỏi gián đoạn mạng sống. Vị ấy sử dụng đồ ăn khát thực vì mục đích duy trì tiếp tục thân xác, như chủ nhân một ngôi nhà cũ sử dụng những cột chống đỡ mái nhà, như người đánh xe dùng dầu mỡ cho trục xe, không phải để vui đùa, trang sức, đam mê, làm bộ. Hơn nữa, "sống lâu" là chỉ

mạng căn. Vậy, câu "để thân này được sống lâu, được bảo dưỡng" có nghĩa là, vì mục đích duy trì mạng căn trong thân xác này.

92. Để khỏi bị tổn hại: cơn đói được gọi là "tổn hại" vì nó làm sầu não. Vị ấy dùng đồ ăn khát thực vì mục đích chấm dứt cái hại ấy, như thoa dầu lên vết thương, lấy nóng chống lạnh v.v. Để hộ trì phạm hạnh: vì mục đích hỗ trợ cho sự sống trong sạch ở trong giáo lý và trong đạo lộ. Bởi vì, khi vị tỷ kheo dẫn mình vào việc vượt qua sa mạc sinh tử bằng phương tiện Ba môn học, dựa trên sức khỏe thân xác mà điều kiện cần thiết chính là thức ăn, thì việc sử dụng thức ăn cũng giống như người muốn qua sa mạc phải ăn thịt con mình, hoặc như người muốn qua sông dùng bè, vượt biển dùng tàu vậy.

93. Như thế này ta sẽ diệt trừ những cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới: như người bệnh dùng thuốc, vị tỷ kheo dùng đồ ăn khát thực nghĩ: "Do dùng thức ăn này, ta sẽ chấm dứt cảm thọ cũ là cơn đói, mà không cho khởi cảm thọ mới là tham thực. Lại nữa, "cảm thọ cũ" là cảm thọ do duyên những nghiệp trước, bây giờ khởi lên vì ăn uống không điều độ, không thích hợp. Ta sẽ chấm dứt cảm thọ cũ ấy, chặn đứng nó bằng cách ăn uống điều độ, thích hợp. Và "các cảm thọ mới" là cảm thọ sẽ khởi lên trong tương lai, do sự tích lũy nghiệp hiện tại là sử dụng đồ khát thực một cách không thích đáng. - Ta cũng sẽ không cho khởi lên các cảm thọ mới ấy, bằng cách dùng đồ khát thực cho thích đáng.

Những gì trình bày trên đây bao hàm việc sử dụng chánh đáng những vật cần thiết, từ bỏ ép xác khổ hạnh, nhưng không bỏ lạc thọ hợp pháp.

94. Ta sẽ sống khỏe mạnh: "Trong thân này, được tồn tại nhờ những vật dụng, ta sẽ có sức khỏe do ăn uống điều độ, sức khỏe ấy được gọi là sự "dai sức" vì sẽ không có mối nguy làm đứt mạng căn, hay ngăn cản bốn uy nghi. Giác sát như vậy, vị tỷ kheo dùng đồ khát thực như người mắc bệnh kinh niên dùng thuốc. Sống không lỗi, an ổn: Vị ấy dùng đồ khát thực, nghĩ: "Ta sẽ có được sự không lỗi bằng cách tránh xin, nhận và ăn một cách không thích đáng, và ta sẽ sống an ổn bằng cách ăn uống điều độ." Hoặc vị ấy nghĩ: "Ta sẽ được sự không lỗi, nhờ không có mặt những lỗi lầm như chán mệt, lờ đờ, buồn ngủ, bị người trí chê trách, v.v. do duyên ăn uống vô độ gây ra. Và ta sẽ có sự sống an ổn nhờ sức khỏe do duyên ăn tiết độ." Hoặc vị ấy thọ dụng đồ khát thực, nghĩ rằng: "Ta sẽ được sự không lỗi nhờ từ bỏ những lạc thú nằm dài, lờ đờ biếng nhác, vì đã không ăn quá độ. Và ta sẽ có một đời sống an ổn bằng cách chế ngự bốn uy nghi, nhờ ăn giảm mức tối đa chừng bốn năm miếng." Vì có câu:

Ăn còn bốn năm miếng Thì nên dừng, uống nước Như vậy người tinh cần Sẽ sống được an ổn. -- (Trưởng lão kệ, 983).

Những gì được nói trên đây có thể hiểu là sự phân biệt rõ mục đích, và thực hành trung đạo.

95. Trú xứ (senāsana) đây là cái giường (sena) và chỗ ngồi (āsana). Vì bất cứ chỗ nào ta ngủ (seti) dù trong một ngôi chùa, hay một cái chòi dựa vách, v.v. thì đó là cái giường, chỗ ngủ ; và bất cứ chỗ nào ta ngồi (āsati) thì đó là chỗ ngồi hay tòa (āsana). Cả hai là sàng tòa hay trú xứ.

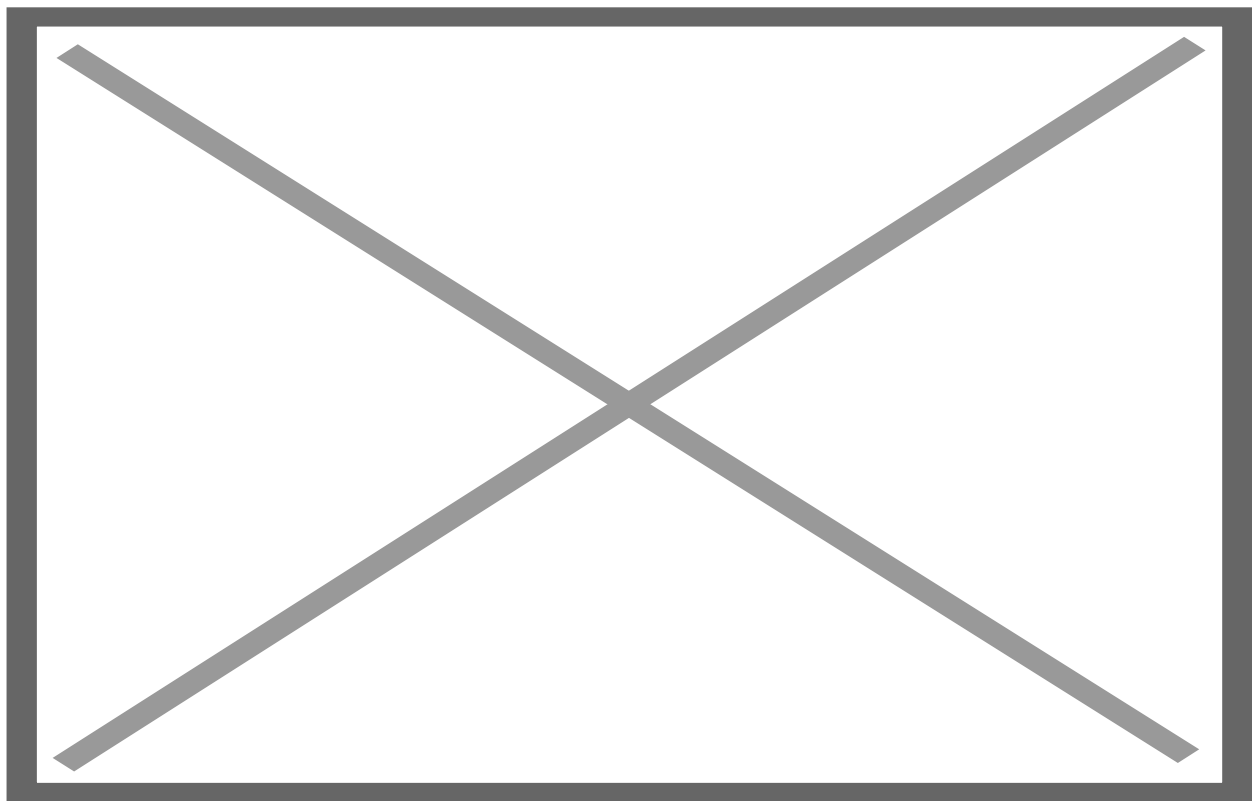
Chỉ để tránh những nguy hiểm của thời tiết và sống độc cư: thời tiết trong nghĩa gây nguy hiểm (parisahana), gọi là "nguy hiểm của thời tiết" (utu-parissaya). Những tình trạng khí hậu không thích hợp, làm thân xác rối loạn kéo theo sự rối loạn của tâm, có thể tránh được nhờ sử dụng trú xứ. Trú xứ cốt để tránh những khổ này, và để hưởng độc cư. Dĩ nhiên, sự tránh nguy hiểm của thời tiết còn được nói trong câu "ngăn ngừa lạnh", v.v. Nhưng, cũng như trong trường hợp dùng y phục, sự che đậy hổ thẹn được xem là mục đích bất biến, còn những mục đích khác đều có tính cách giai đoạn ; ở đây cũng vậy, nhắc lại cốt để nhấn mạnh mục đích bất biến là tránh nguy hiểm của thời tiết, còn những mục đích khác chỉ là giai đoạn. Lại nữa "thời tiết" chỉ khí hậu, còn "nguy hiểm" thì có hai loại, rõ rệt và tiềm ẩn.

Nguy hiểm rõ rệt là sư tử, cọp, beo, v.v. trong khi nguy hiểm tiềm ẩn là tham sân si v.v. Khi một tỷ kheo biết và giác sát như vậy trong khi dùng loại trú xứ nào để những nguy hiểm ấy không gây đau buồn, do căn môn không phòng hộ và do thấy những sắc pháp không thích đáng, thì vị ấy được gọi là có "chân chánh giác sát, sử dụng trú xứ để tránh những nguy hiểm của thời tiết".

96. Nhu yếu về dược phẩm trị bệnh: "trị" có nghĩa là đi ngược lại (paccaya) với bệnh tật (pati-ayana), chỉ bất cứ loại thuốc nào thích hợp để chữa lành: dầu, mật, sữa, bơ, v.v. gọi là "dược phẩm trị bệnh". Danh từ Pali là parikkhara dịch là "nhu yếu" ở đây, nhưng ở đoạn khác, nó có nghĩa là đồ trang bị, phụ tùng. Ở đây cả hai ý nghĩa đều dùng được, vì dược phẩm trị bệnh là đồ trang bị để duy trì sự sống, nó che chở ta bằng cách ngăn ngừa các khổ não có hại sự sống, đồng thời, nó là đồ phụ tùng, vì là vật để kéo dài mạng sống. Do vậy gọi là "nhu yếu".

97. Ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sinh: "thống khổ" là sự xáo trộn tứ đại, và những bệnh do sự xáo trộn ấy gây ra, như ung nhọt, phung, v.v. "Cảm thọ thống khổ" là những cảm giác đau đớn, những cảm giác phát sinh do bất thiện nghiệp. Để được ly khổ hoàn toàn để hoàn toàn thoát khỏi các khổ.

Trên đây là giải thích ý nghĩa của Giới liên hệ bốn vật dụng. Nói tóm lại, đặc tính của nó là dùng vật sau khi chân chánh giác sát.



98. (a) Trong giới gồm bốn phần này sự chế ngự của Giới bốn được thọ trì do lòng tin, vì sự tuyên thuyết những học giới không thuộc lãnh vực của các đệ tử, bằng chứng là đức Phật từ chối không cho phép các đệ tử chế ra học giới (Luật iii, 9-10). Khi đã vì lòng tin mà thọ lãnh những học giới Phật chế, thì ta phải viên mãn học giới ấy, bất kể sinh mạng, như kinh nói:

Như gà mái giữ trứng Như trâu mao giữ đuôi Như người giữ con cưng hay một mắt còn lại. Cũng vậy khi đã nguyện Hộ trì các cấm giới hãy luôn luôn cẩn thận Và biết sợ phạm giới.

Đức Phật còn dạy thêm: "Khi ta đã tuyên bố một học giới cho các đệ tử, các đệ tử ta không được vượt qua học giới ấy, dù có phải mất mạng." (Tăng Chi iv, 201).

99. Câu chuyện những vị trưởng lão bị giặc trói bằng dây cỏ được kể như sau: Trong rừng Mahāvattani, bọn cướp trói nằm một vị thượng tọa với một thứ cây leo màu đen. Trong bảy ngày nằm đấy, ngài tăng trưởng tuệ quán, chứng quả Bất hoàn, từ trần và được sanh lên cõi Phạm thiên. Ở Tích lan, một trưởng lão cũng bị giặc trói nằm bằng cây leo trong một khu rừng. Khi rừng phát hỏa mà cây leo chưa được cắt, ngài an lập trong tuệ và đạt Niết-bàn ngay khi mất. Khi trưởng lão Abhaya, giảng sư Trường bộ, đi qua đấy cùng với 500 tỷ kheo, trông thấy sự việc, hỏa táng nhục thân ngài và xây tháp thờ. Bởi thế, các vị thiện gia nam tử đời sau cũng nên noi gương ấy, giữ các học giới thật thanh tịnh, từ bỏ mạng sống nếu cần, còn hơn là vi phạm giới luật mà đức Thế tôn đã chế ra.

100.(b) Trong khi sự chế ngự bằng giới bốn được thực hành với đức tin, thì chế ngự các căn môn được thực hành nhờ chánh niệm tỉnh giác. Khi hoạt động của các căn được y cứ vào chánh niệm, thì tham dục và các thói khác không có cơ hội xâm nhập. Như bài Pháp về lửa: "Này các tỷ kheo, thà lấy thỏi sắt nóng đỏ nung đốt con mắt đi, còn hơn là nắm giữ các tướng riêng của sắc do mắt nhận biết." (Tương ưng iv,168). Sự chế ngự này cần được thực hành bằng cách dùng chánh niệm liên tục ngăn sự chấp giữ những tướng ngoài có thể kích động tâm tham, v.v.

101. Nếu không thực hành như vậy, thì giới chế ngự bằng Giới bốn không được lâu bền, như trống trọt không rào giậu. Giới khi ấy sẽ bị giặc phiền não xâm nhập, như một khu làng mở cổng sẽ bị trộm cướp xâm nhập. Và tham dục lên vào tâm vị ấy như mưa dột ở mái nhà không lợp kín. Kinh dạy:

Giữa các pháp sắc, thanh... Căn môn phải phòng hộ Cửa mở không gìn giữ Kẻ cướp vào xóm làng.

Như mái nhà vụng lợp Sẽ bị mưa lụt vào Dục tham cũng lén vào Tâm không khéo tu tập. -- (Pháp cú 13)

102. Khi được thực thi như vậy, giới thuộc sự chế ngự của Giới bốn sẽ được lâu bền, như trống trọt có rào giậu kỹ. Giới khi ấy sẽ không bị giặc phiền não xâm nhập, như khu làng với cổng khéo phòng vệ thì không bị trộm cướp lén vào. Và tham dục không lén vào tâm, như mưa không dột trong một ngôi nhà lợp kín:

Giữa các pháp sắc thanh Căn môn phải phòng hộ Cửa đóng, khéo gìn giữ cướp không vào được làng.

Như mái nhà khéo lợp Mưa không thể lụt vào Dục tham không lọt được Vào tâm khéo tu tập. -- (Pháp cú 14)

103. Tuy nhiên, đây mới là giáo lý bậc thượng. Tâm này được xem là "biến đổi nhanh chóng" (Tăng chi i,10), bởi vậy, sự phòng hộ các căn môn cần phải được thực hành bằng cách tẩy trừ tham ái đã khởi, với pháp quán bất tịnh. Như đại đức Vangisa đã làm. Một hôm, trong lúc ngài đi khát thực, sau khi xuất gia không bao lâu, tham dục dấy lên nơi tâm lúc thấy một phụ nữ. Ngài liền bạch tôn giả Ananda:

Dục ái đốt cháy tôi Tâm tôi bị thiêu đốt Xin ngài vì thương xót Nói pháp tiêu lửa hừng. -- (Tương ưng i,188)

Tôn giả nói:

Chính do điên đảo tướng Tâm người bị thiêu đốt Hỷ từ bỏ tịnh tướng Hệ lụy đến tham dục. Nhìn các hành vô thường, Khổ đau, không phải ngã. Dập tắt đại tham dục Chớ để bị cháy dài Hỷ tu quán bất tịnh Nhất tâm, khéo định tĩnh Tu tập tâm niệm trú Hành nhiều, hạnh yếm ly Hỷ tập hạnh vô tướng, Đoạn diệt mạn tùy miên Nhờ quán sâu kiêu mạn Hạnh người được an tịnh. (Tương ưng i,188)

Vị đại đức trừ được tham dục, và tiếp tục đi khát thực.

104. Lại nữa, một tỷ kheo viên mãn Giới phòng hộ các căn hỷ như đại đức Cittagutta cư trú trong hang động lớn ở Kurandaka, và đại đức Mahà-Mitta ở ngôi đại tự viện Coraka.

105. Trong hang động lớn ở Kurandaka, có một tranh đẹp diễn tả sự xuất gia của bảy vị Phật. Một số tỷ kheo du hành đến đấy, trông thấy bức tranh bảo: "Bạch đại đức, tranh thật đẹp." Vị đại đức nói: "Chư hiền, tôi ở đây hơn sáu mươi năm, mà không biết có tranh ở đấy hay không có, bây giờ, tôi mới biết được, nhờ chư hiền có mắt." Vị trưởng lão, mặc dù sống ở đó rất lâu, mà không bao giờ ngước mắt lên nhìn hang động. Tại lối vào hang, có một cổ thụ lớn, mà vị trưởng lão cũng không bao giờ nhìn lên nó, ngài chỉ biết là nó có hoa, khi trông thấy những cánh hoa rơi trên mặt đất.

106. Vua nghe được giới hạnh vị ấy, nên cho triệu thỉnh ngài, ba lần trưởng lão đều từ chối cả ba. Vua bèn ra lệnh niêm phong tất cả bầu sữa phụ nữ và bảo, nếu ngài không chịu đến, thì tất cả trẻ con còn bú phải chết đói. Vì lòng thương tưởng những đứa trẻ, vị trưởng lão ra đi. Khi nghe ngài đến, vua bảo: "Thỉnh ngài vào cung. Ta muốn thọ giới." Sau khi ngài được đưa vào nội cung, vua đến đánh lễ, cúng dường và bảo: "Bạch đại đức, hôm nay chưa tiện. Mai trẫm sẽ thọ giới." Vua và hoàng hậu đánh lễ ngài rồi lui. Bảy ngày trôi qua như vậy, mỗi khi đức vua hay hoàng hậu đến, ngài đều nói một câu: "Mong vua được an lành".

107. Các tỷ kheo hỏi: "Tại sao, bạch đại đức, dù với vua hay hoàng hậu ngài đều nói: mong vua được an lành? Trưởng lão đáp: "Chư hiền, ta không để ý đó là vua hay là hoàng hậu." Sau bảy ngày, thấy vị trưởng lão không thích sống ở cung điện, vua bèn để cho ngài đi. Ngài trở về hang động. Ban đêm, khi ra đi kinh hành, có vị thần ở trên cây to trước hang đứng cầm bó đuốc, ngài bỗng sáng tỏ trong đề tài thiền quán. Vào lúc nửa đêm, ngài chứng A-la-hán quả, hang động vang dội.

108. Do vậy, khi một thiện nam tử muốn tìm hạnh phúc cho mình, thì mắt đừng đói sắc như con khỉ trong rừng như con nai hoang dã như đứa trẻ háo động. Hãy đi mắt nhìn xuống phía trước một tầm cây để khỏi sa mãnh lực của cái tâm vượt khi.

109. Mẹ của trưởng lão Mahà-Mitta bị một ung độc. Bà nói với người con gái cũng là một ni cô: "Này cô, hãy đến anh cô, nói cho ông biết tôi bị đau, và xin về ít thuốc." Ni cô đến bạch trưởng lão. Ngài nói: "Ta không biết hái rễ cây để chế thuốc, nhưng ta sẽ bảo cho người một toa thuốc: từ khi xuất gia, ta chưa bao giờ vi phạm giới "phòng hộ căn môn" bằng lối nhìn hình dáng phụ nữ với tâm ô nhiễm. Với lời nói đúng sự thật này, mong rằng mẹ ta sẽ khỏi bệnh. Người hãy trở về bảo vị tín nữ như vậy, và chà xát cho bà". Ni cô trở về kể lại cho bà mẹ nghe và làm theo lời trưởng lão dặn. Ngay tức thì, ung độc tan biến trên thân bà. Bà đứng dậy thốt lời mừng rỡ: "Ôi, nếu đức Thế tôn còn sống, thế nào Ngài cũng lấy tay sờ đầu thọ ký cho một vị tỷ kheo như con ta."

110. Bởi vậy, một thiện nam tử xuất gia trong Giới luật này, hãy như trưởng lão Mitta thực hành một cách viên mãn Giới phòng hộ các căn.

111. (c) Trong khi giới phòng hộ các căn được thực hiện nhờ chánh niệm thì giới thanh tịnh sinh mạng cần được thực hiện bằng sự tinh tấn. Vì người tinh tấn thì từ bỏ được tà mạng, từ bỏ sự tìm cầu bất chánh, bằng cách tìm cầu chân chánh là khát thực, v.v. tránh những nguồn gốc không trong sạch như tránh rắn độc, và chỉ dùng những vật dụng có nguồn gốc trong sạch.

112. Đối với người không thọ đầu đà thì bất cứ nhu yếu phẩm nào có được từ nơi tăng chúng, từ một nhóm tỷ kheo, hoặc từ những cư sĩ có đức tin vào sự giảng pháp của vị ấy, v.v. đều được gọi là "có nguồn gốc thanh tịnh". Nhưng những thứ kiếm được do duyên khát thực thì lại có nguồn gốc hoàn toàn trong sạch. Với người thọ đầu đà, thì thực phẩm thanh tịnh là thực phẩm có được do khát thực và do những người có lòng tin ở đức tính khổ hạnh của vị ấy. Nếu vị ấy sử dụng nước tiểu để trị bệnh, và chỉ ăn những hạt giẻ rụng vỡ ra, thì đầu đà hạnh của vị ấy thật xứng đáng, vị ấy được xem là một tỷ kheo tối thượng trong số những vị thừa tự gia tài Thánh pháp. (Tăng chi ii,28)

113. Về y phục và những nhu yếu khác, một tỷ kheo thanh tịnh sinh mạng không được nói những cách nói ám chỉ, nói quanh, v.v. Nhưng về một trú xứ thì vị không thọ đầu đà hạnh có thể nói ám chỉ.

114. Ví dụ khi một tỷ kheo đang sửa soạn đất để làm một chỗ ở, và được hỏi: "Bạch đại đức, ai xây cất?" Vị ấy trả lời: "Không ai cả". Một lối ám chỉ khác, là hỏi: "Cư sĩ ở đâu?" - "Bạch đại đức, con ở trong một khu biệt thự." - "Ồ cư sĩ, nhưng tỷ kheo lại không được ở biệt thự." Nói quanh là như nói: "Trú xứ của tăng chúng đã chật ních.", hoặc một kiểu nói gián tiếp nào khác.

115. Nhưng về được phẩm trị bệnh, thì tất cả lối nói ám chỉ, quanh co đều được phép. Nhưng khi đã khỏi bệnh có được phép dùng những thứ được phẩm đã xin được nhờ lối nói ấy hay không. Những Luật sư thì cho rằng được, còn những nhà

y cứ vào kinh thì bảo mặc dù không phạm, song mạng sống như vậy là hết thanh tịnh, cho nên không được.

116. Tuy nhiên, một người không dùng lối nói ám chỉ, quanh co,... mặc dù Thế tôn cho phép, một người thiếu dục chỉ dùng những vật có được một cách chân chánh, không nói quanh co dù có phải hại tới sinh mạng, một vị như thế được gọi là tối thượng trong đời sống độc cư nhàn tịnh, như trưởng lão Xá Lợi Phất.

117. Một thời, tôn giả sống trong khu rừng cùng với tôn giả Mục Kiền Liên. Một hôm, ngài bị chứng đau ruột trầm trọng. Vào buổi chiều, tôn giả Mục Kiền Liên đến thăm ngài, hỏi: "Hiền giả, ngày xưa mỗi khi đau như vậy, cái gì làm cho hiền giả bớt đau?" Tôn giả trả lời "Khi tôi còn ở nhà, mẹ tôi thường trộn bơ, mật, đường, v.v. và cho tôi ăn cháo với sữa tươi. Tôi ăn xong thì thấy đỡ." - "Được rồi, hiền giả. Nếu hiền giả hoặc tôi có phước đức, thì có lẽ ngày mai, chúng ta sẽ được một ít những thứ ấy."

118. Bấy giờ có một vị thần cây ở gần nghe lỏm câu chuyện, nghĩ: "Ta sẽ cúng cháo cho tôn giả ngày mai." Rồi vị ấy đến gia đình thường ủng hộ tôn giả, nhập vào thân của đứa con trai lớn, làm cho nó đau, và bảo quyến thuộc của nó rằng: "Nếu làm một thứ cháo như vậy như vậy cho tôn giả, thì ta mới giải cứu cho đứa bé." - "Dù thần không bảo, chúng tôi vẫn cúng dường tôn giả những vật cần dùng cơ mà." Hôm sau, họ sửa soạn món cháo như tôn giả cần.

119. Tôn giả Mục Kiền Liên hôm sau đến khất thực tại nhà ấy. Gia chủ đổ đầy bát của ngài thứ cháo đã làm sẵn. Tôn giả toan đi thì thí chủ bảo: "Bạch đại đức cứ dùng đi. Chúng con sẽ cúng thêm." Sau khi tôn giả ăn xong, họ cúng thêm bát nữa để tôn giả đem về. Thấy cháo, tôn giả Xá Lợi Phất nghĩ: cháo này rất tốt, nhưng nó có được bằng cách nào? Khi thấy nó đã có được do cách như vậy, tôn giả nói: "Hiền giả, món ăn khất thực này không thể dùng được."

120. Thay vì nghĩ: "Vị ấy không thèm ăn đồ khất thực do ta mang về" tôn giả Mục Kiền Liên cầm bát cháo lật úp lại. Khi cháo đổ ra trên đất, cơn đau của tôn giả Xá Lợi Phất tan biến, và từ đấy suốt đến bốn mươi lăm năm sau, không bao giờ trở lại.

121. Và tôn giả Xá Lợi Phất bảo bạn: "Hiền giả, dù ruột có lòi ra, kéo lê trên đất, ta cũng không bao giờ nên ăn cháo có được do lời nói ám chỉ."

122.

Bởi thế, trong mọi trường hợp, Người xuất gia vì lòng tin Hãy thanh tịnh mạng sống Luôn chân chánh quán sát Không tìm cầu bất đáng.

123. (d) Trong khi sự thanh tịnh sinh mạng được thực hành nhờ tinh tấn, thì giới liên hệ đến bốn vật dụng phải được thực hành bằng trí tuệ, vì chỉ có người trí tuệ mới có thể thấy được những lợi ích và nguy hiểm trong bốn vật dụng. Hãy từ bỏ lòng tham đối với chúng, và giữ giới này bằng cách sử dụng những vật có được bằng cách hợp pháp, thích đáng, sau khi chân chánh giác sát với trí tuệ như đã nói ở trên.

124. Giác sát có hai: trong khi sử dụng và trong khi nhận vật. Sử dụng không lỗi là khi người nhận y, v.v. quán sát chúng chỉ là bốn đại, đáng nhàm chán, và khi dùng cũng quán sát như vậy.

125. Có bốn cách sử dụng: dùng như kẻ trộm, dùng như mắc nợ, dùng như hưởng gia tài và dùng như chủ. Một người không giới đức sử dụng bốn vật dụng, ngay cả tới việc ngồi trong hàng tăng chúng, gọi là dùng như kẻ trộm. Một người có giới, mà không chân chánh giác sát (quán) trong khi dùng, thì gọi là "dùng như mắc nợ". Bởi thế, y phục phải được giác sát mỗi khi mặc, món ăn khát thực phải được giác sát trong từng miếng ăn. Người nào không làm được như vậy, thì hãy giác sát trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm.

Nếu mặt trời mọc mà chưa giác sát, thì vị ấy tự thấy như đã mắc nợ khi sử dụng bốn thứ. Trú xứ cũng cần giác sát mỗi khi dùng. Về được phẩm trị bệnh, chân chánh giác sát trong cả hai thời, khi nhận và khi dùng, thì tốt. Nhưng khi nhận có giác sát, mà khi dùng không chánh niệm thì lỗi. Nếu khi nhận không có chánh niệm (giác sát) mà khi dùng có, thì không lỗi.

126. Thanh tịnh thuộc bốn loại: nhờ giáo lý, nhờ phòng hộ, nhờ tìm cầu và nhờ giác sát. Giới thuộc phòng hộ của giới bốn là thanh tịnh nhờ giáo lý. Giới thuộc phòng hộ các căn là thanh tịnh nhờ phòng hộ. Giới thuộc thanh tịnh sinh mạng là thanh tịnh nhờ tìm cầu, vì sự tìm cầu được thanh tịnh nơi người từ bỏ tà mạng. Giới thuộc bốn vật dụng là thanh tịnh nhờ giác sát. Do đó, mà trên đây nói, mặc dù khi nhận quên giác sát, mà khi dùng có giác sát thì không lỗi.

127. Sử dụng bốn thứ do bảy bậc Hữu học (bốn đạo, ba quả) gọi là "dùng như thừa tự". Vì họ là những người con của Như Lai, họ dùng những vật dụng như thừa hưởng gia tài của cha để lại. Mặc dù do cư sĩ cúng mà thật sự là của Phật, vì nhờ Phật mà họ được phép dùng. "Dùng như chủ" là với những vị đã đoạn trừ hết phiền não, không còn bị dục sai sử.

128. Về các cách dùng nói trên, dùng như chủ và như thừa tự thì ai cũng được phép. Nhưng dùng như mắc nợ thì không được, nói gì đến dùng như kẻ trộm. Nhưng một người có giới hạnh, mà dùng có giác sát, thì không nợ, vì nó trái lại với sự dùng như mắc nợ. Hoặc nó cũng được gồm trong sự "dùng như thừa tự",

bởi vì một người có giới đức cũng được gọi là bậc Hữu học, vì có học giới.

129. Cách dùng tốt nhất là dùng như chủ, nên khi một tỳ kheo giữ giới liên hệ bốn vật dụng, vị ấy nên tác ý như vậy, và sử dụng sau khi giác sát như đã nói.

Đệ tử có trí tuệ Vâng giữ pháp Thế tôn Thường chân chánh giác sát Rồi mới dùng thức ăn Trú xứ và sàng tọa Và cả nước giặt y.

"Nước đổ lá sen Tỳ kheo không ô nhiễm Bởi một vật dụng nào Như đồ ăn khát thực Trú xứ và sàng tọa Cùng nước để giặt y.

Vì là sự hỗ trợ Phải thời từ người khác Vị ấy vừa biết đủ Chân chánh giác sát luôn Trong khi nhai và ăn Trong khi thưởng thức vị Xem nó như thứ dầu Đắp vết thương lở lói

Như thịt con trên sa mạc Như dầu mỡ cho trục xe Tỳ kheo ăn không vọng tưởng Thức ăn để sống còn."

130. Liên hệ đến sự viên mãn giới thuộc về bốn vật dụng, có câu chuyện sa di cháu tôn giả Sangharakkhita. Vị này dùng bốn vật cần thiết sau khi giác sát, đã nói:

Thấy tôi thản nhiên ăn Thầy tôi bèn dạy rằng: Sa di không chế ngự Thì coi chừng lưỡi bong. Nghe xong những lời Thầy Tôi tinh cần, nhiệt tâm Trong một thời thiền tọa Đắc A-la-hán quả Tâm tư như trăng rằm Các lậu hoặc đoạn tận Không còn thọ thân sau.

Bất cứ một người nào Mong muốn chấm dứt khổ Thì hãy dùng bốn vật Sau khi chánh giác-sát.

Trên đây nói về giới thuộc bốn loại: Giới thuộc sự phòng hộ theo Giới bốn, Giới thuộc sự phòng hộ các căn môn, Giới thuộc thanh tịnh sinh mạng, và Giới thuộc bốn vật dụng.

131. (18) Bây giờ, hãy đề cập đến nhóm "năm loại" đầu tiên. Vô Ngại Giải Đạo (Patisambhidà) nói:

(a) Gì là giới thanh tịnh một phần? Đó là học giới của người chưa nhập Tăng chúng. (b) Gì là giới thanh tịnh hoàn toàn? Là học giới của các vị đã được nhập tăng chúng, đã thọ giới cụ túc. (c) Gì là giới thanh tịnh đã viên mãn? Là giới của phàm phu hữu đức chuyên hành thiện, đang viên mãn hữu học đạo, không kể sinh mạng vì đã từ bỏ sự bám víu vào đời sống. (d) Gì là giới thanh tịnh không lệ thuộc? Là giới của thanh văn đệ tử đã đoạn tận lậu hoặc, là giới của các bậc Giác ngộ không tuyên bố lên, giới của các đấng đã viên giác. (Vô ngại giải đạo i,

42-3)

132.

(a) Giới của những người chưa được hoàn toàn thâm nhập vào Tăng chúng, gọi là giới thanh tịnh một phần, vì nó bị giới hạn bởi con số những học giới: 5, 8 hay 10 giới.

(b) Giới của người đã thọ cụ túc được nói như sau:

Chín ngàn triệu, một trăm tám mươi triệu, một trăm năm mươi ngàn thêm ba mươi sáu, tổng số các học giới Những giới luật này Thế tôn giảng Dưới những đề mục để tuân hành Bao gồm sự chế ngự theo Giới bốn.

(Con số trên đây tùy ở koti là bao nhiêu: 1.000.000, 100.000 hay 10.000).

Mặc dù giới được kể bằng con số, song cần hiểu rằng đây là giới thanh tịnh không giới hạn, vì nó được thọ trì không dè dặt, không có những giới hạn như danh xưng, lợi dưỡng, quyến thuộc, thân thể hoặc sinh mạng. Như giới hạnh của trưởng lão Mahà-Tissa ở Cìragumba.

133. Vị này không bao giờ từ bỏ tư duy sau đây của một thiện nam tử:

"Tài sản nên bỏ để cứu chân tay Chân tay phải bỏ để cứu mạng sống Tài sản, chân tay và tánh mạng Đều nên bỏ để thực hành Chánh pháp"

Vị ấy không bao giờ vi phạm một học giới dù phải mất mạng. Nhờ thế ngài đắc quả A-la-hán với giới thanh tịnh vô hạn làm chỗ nương, trong khi đang được cõng trên lưng một cư sĩ.

134. Giới của phàm phu hữu đức từ khi được thâm nhập vào tăng chúng đã không có một ô nhiễm nào về ý, do tâm hoàn toàn thanh tịnh, giới ấy trở thành nguyên nhân gần nhất cho A-la-hán quả nên được gọi là Giới thanh tịnh viên mãn, như trường hợp hai cậu cháu là trưởng lão Sangharakkhita (Tăng Hộ) và cháu ngài.

135. Trưởng lão tuổi trên sáu mươi đang nằm đợi chết. Tăng chúng đến, hỏi ngài có đắc địa vị siêu thế gì không. Ngài bảo: "Ta không đắc địa vị nào siêu thế hết." Khi ấy vị tỷ kheo trẻ hầu ngài bảo: "Bạch đại đức, mọi người, vì tưởng ngài đã đắc Niết-bàn, nên mới đi hàng chục dặm đường để đến đây. Họ sẽ vô cùng thất vọng, nếu ngài chỉ chết như một phàm phu thường tình." - "Hiền giả, vì muốn gặp đức Thế tôn Metteyya (Di Lặc), nên ta không nỗ lực để đắc tuệ giác. Vậy, bây giờ hiền giả hãy đỡ ta ngồi dậy, may ra có đắc chẳng." Vị tỷ kheo bèn đỡ ngài dậy, rồi đi ra. Khi ông vừa ra khỏi, trưởng lão liền đắc A-la-hán quả, và

khảy móng tay ra hiệu. Tăng chúng tỵ lại, bạch ngài: "Bạch đại đức, ngài đã làm một việc rất khó, là hoàn thành thánh quả vào lúc lâm chung." - "Chư hiền, việc ấy không khó. Nhưng ta sẽ bảo cho chư hiền biết là việc gì khó thật sự. Chư hiền, từ khi xuất gia cho tới ngày nay, ta không thấy có một hành vi nào ta làm mà không ý thức, không có chánh niệm kèm theo."

Cháu của ngài cũng đắc quả A-la-hán như vậy, vào lúc năm mươi tuổi.

136.

"Nếu một người ít học Lại không có giới đức Sẽ bị người chê bai Vì không học , không hạnh."

Nhưng nếu người ít học Mà biết phòng hộ giới Thì mọi người khen ngợi Cũng như người có học."

Nếu một người học nhiều Mà không có giới đức Sẽ bị chê không giới Như thế người không học."

Nếu người ấy học nhiều Lại biết phòng hộ giới Sẽ được khen cả hai Về học và về giới."

Bậc đệ tử đa văn Giữ giới, có trí tuệ Như vàng sông Diêm phù Ai mà chê trách được? Chư thiên đều ca ngợi Phạm thiên cũng tán dương (Tăng chi ii,7)

137. (d) Thanh tịnh không dính mắc là giới của bậc hữu học, vì không dính mắc tà kiến, và như giới ở trưởng lão Tissa con trai vị địa chủ (Kutumbiyaputta-Tissa Thera). Nhân vì muốn an lập trong quả vị A-la-hán nhờ giới hạnh này, ngài đã bảo những kẻ thù ngài như sau:

Ta đã bẻ gãy xương Cả hai ống chân ta Để hoàn thành lời hứa Như lời người đòi hỏi Ta kinh khủng hổ thẹn Nếu chết còn đèo tham Sau khi nghĩ như thế Ta chánh niệm tỉnh giác Và khi mặt trời lên Soi chiếu trên người ta Ta đắc La-hán quả. -- (Chú giải Trung bộ i,233)

138. Lại có một vị trưởng lão đau nặng, không thể tự ăn. Ngài nằm quần quai trên phân và tiểu đã bài tiết. Thấy vậy, một tử kheo trẻ bảo: "Ôi, thật đau khổ thay là sự sống ! " Vị trưởng lão bảo tử kheo ấy: "Hiền giả, nếu bây giờ ta chết đi, thì chắc chắn ta sẽ được phúc lạc cõi trời, ta không hồ nghi gì về điều ấy. Nhưng cái hạnh phúc do sự đoạn dứt giới hạnh đem lại thì cũng như tình trạng "hạnh phúc" từ bỏ học giới để hoàn tục." Và ngài thêm: "Ta sẽ chết với giới hạnh của ta." Khi nằm như vậy, ngài dùng tuệ quán sát bệnh mình, và đắc A-la-hán. Sau khi đắc quả, ngài nói lên bài kệ:

Ta là một nạn nhân Của chứng bệnh ngặt nghèo Đang tàn phá cơ thể Với cơn đau khốc liệt Như cánh hoa phong trần Bị mặt trời thiêu đốt Cơ thể này của ta Cũng đang tàn tạ dần.

Không đẹp cho là đẹp Bất tịnh cho là sạch Uế dơ bảo tốt tươi Lòa mắt đều thấy thế. Thân xác hủ bại này Thối tha hôi hám thay Bị đòn đau dần vật Người ngu lại mê say Để lạc mất con đường Tái sinh lên thiên giới. -- (Bổn sanh ii,437)

139. (e) Giới của bậc A-la-hán, v.v. gọi là giới an tịnh, vì không tất cả cấu uế, và vì rất thanh tịnh.

140. (19) Cuối cùng, nhóm năm loại thứ hai (xem Đoạn 25) là từ bỏ, kiêng, tác ý (tư tâm sở), chế ngự và không phạm, thì như Vô Ngại Giải Đạo (Patisambhidā) nói:

(1) Về giới sát sinh: (a) từ bỏ sát sinh là giới (b) kiêng sát là giới (c) tư tâm sở (ý chí) là giới (d) chế ngự là giới (e) không phạm là giới (2) Lấy của không cho: từ bỏ lấy của không cho là giới, v.v. (3) Từ bỏ dâm dục là giới,... (4) Từ bỏ nói láo là giới,... (5) Từ bỏ nói độc ác là giới,... (6) Từ bỏ nói thô là giới,... (7) Từ bỏ nói vô ích là giới,... (8) Từ bỏ tham là giới,... (9) Từ bỏ sân là giới,... (10) Từ bỏ tà kiến là giới,...

(11) Với hạnh xuất ly, (a) Từ bỏ tham dục là giới, v.v. (12) Với vô sân, từ bỏ sân là giới, v.v. (13) Với tưởng ánh sáng, từ bỏ hôn trầm là giới, v.v. (14) Với không tán loạn, từ bỏ trạo cử là giới, v.v. (15) Với trạch pháp, từ bỏ nghi là giới, v.v. (16) Với tri kiến, từ bỏ ngu si là giới, v.v. (17) Với hân hoan, từ bỏ chán nản là giới,...

(18) Ở sơ thiền, từ bỏ năm thứ triển cái là giới... (19) Nhị thiền, từ bỏ tầm tứ là giới... (20) Tam thiền, từ bỏ hỷ... (21) Tứ thiền, từ bỏ lạc và khổ... (22) Không vô biên xứ, từ bỏ sắc tưởng, đối ngại tưởng, sai biệt tưởng là giới... (23) Thức vô biên xứ, từ bỏ không vô biên xứ tưởng là giới... (24) Vô sở hữu xứ, từ bỏ thức vô biên xứ tưởng là giới... (25) Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ bỏ vô sở hữu xứ tưởng là giới...

(26) Quán vô thường, từ bỏ thường là giới... (27) Quán khổ, từ bỏ lạc tưởng là giới... (28) Quán vô ngã, từ bỏ ngã tưởng là giới... (29) Quán yếm ly, từ bỏ tưởng ưa thích là giới... (30) Quán ly tham, từ bỏ tham là giới... (31) Quán diệt, từ bỏ sanh là giới... (32) Quán xả ly, từ bỏ thủ trước là giới... (33) Quán hoại, từ bỏ tưởng kết hợp là giới... (34) Quán (các hành) diệt, từ bỏ tích lũy nghiệp là giới... (35) Quán biến đổi, từ bỏ tưởng về sự lâu bền là giới... (36) Quán vô tướng, từ bỏ tướng là giới... (37) Quán vô nguyện, từ bỏ dục là giới... (38) Quán không, từ bỏ tà giải (cố chấp) là giới... (39) Quán các pháp thuộc tăng thượng tuệ, từ bỏ tà

giải do chấp thủ là giới... (40) Với chánh tri kiến, từ bỏ tà giải do si là giới... (41) Quán nguy hiểm, từ bỏ tà giải do y cứ vào các hành là giới... (42) Với tư duy, từ bỏ không tư duy là giới... (43) Với quán "quay đi", từ bỏ tà giải do trói buộc là giới...

(44) Dự lưu đạo, từ bỏ cấu uế do tà kiến là giới... (45) Nhất lai đạo, từ bỏ các cấu uế thô là giới... (46) Bất hoàn đạo, từ bỏ cấu uế còn sót lại (dư tàn) là giới... (47) A-la-hán đạo, từ bỏ tất cả cấu uế là giới, kiêng giữ là giới, tác ý là giới, chế ngự là giới, không phạm là giới. "

Những giới ấy đưa đến bất hối, hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, tập hành (thói quen nhờ lập đi lập lại) đến tu tập, đào luyện, cải thiện, đến điều kiện cho định, trang bị cho định, đưa đến viên mãn, hoàn toàn viễn ly, ly tham, đưa đến sự tịch diệt, an ổn, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn." (Vô ngại giải đạo i, 46-7).

[Chú thích._ Bảng kê trên đây cho thấy rõ những giai đoạn trong sự tiến triển bình thường từ vô minh đến quả vị A-la-hán, gồm các nhóm sau: I. Giới là từ bỏ mười bất thiện nghiệp (1) - (10). II. Định:_A. Từ bỏ bảy chướng ngại cho định bằng các pháp ngược lại với chúng (11) đến (17); B. Tám định chứng, và các pháp nào được từ bỏ trong mỗi loại định: (18) đến (25). III. Tuệ: A.Quán: mười tám pháp quán chính yếu khởi từ bảy quán (26) đến (43); B. Đạo lộ: bốn đạo, và các pháp từ bỏ ở mỗi đạo (44) đến (47).]

141. "Từ bỏ" nghĩa là không khởi lên các bất thiện pháp như sát sinh, v.v. Nhưng sự từ bỏ một pháp bất thiện sẽ hỗ trợ, nâng đỡ một thiện pháp do nghĩa sự từ bỏ ấy làm nền tảng cho thiện, tập trung thiện ấy bằng cách ngăn sự do dự, nên gọi là giới - sīla với nghĩa phối hợp - sīlana, nghĩa là nâng đỡ và tập trung (xem đoạn 19). Bốn việc còn lại chỉ sự có mặt của ý chí kiêng làm điều này điều khác, ý chí kể như sự tác ý về hai việc "kiêng và chế ngự" ấy, và ý chí kể như sự vô phạm ở nơi một người không phạm giới này giới nọ.

142. Đến đây, câu hỏi thứ năm: "Có mấy loại giới?" đã được giải quyết xong.

143. Còn lại là: Gì làm giới ô nhiễm, gì làm giới thanh tịnh?

Trả lời là, sự rách nát của giới gọi là ô nhiễm, và không rách nát gọi là thanh tịnh. Sự "rách nát" của giới là phạm giới do vì lợi dưỡng, tiếng khen, (danh xưng) v.v. và do bảy trói buộc của nhục dục. Khi một người vi phạm học giới ở chặng đầu hay chặng cuối của đường tu, thuộc về bất cứ giới nào nằm trong bảy "tụ" (là bảy nhóm giới luật tỷ kheo), thì giới của vị ấy gọi là bị rách, như một tấm vải bị cắt ở biên. Nhưng khi vị ấy phạm giới nửa chừng tu học, thì gọi là giới bị "lủng", như tấm vải bị cắt ở giữa. Khi phạm giới liên tiếp hai ba lần, giới của vị ấy gọi là "bị ố", như một con bò toàn thân đen hay đỏ, mà bỗng có một mảng

lông khác màu ở lưng hay bụng. Khi vị ấy phạm giới thường xuyên, thì giới vị ấy gọi là "lốm đốm", như con bò trên toàn thân có những đốm khác màu với da của nó.

144. Cũng vậy, giới không nguyên vẹn, là khi còn bảy trói buộc của dục, như đức Thế tôn dạy: "Này bà-la-môn, có một số sa môn, bà-la-môn tự hào sống phạm hạnh chân chánh, vì họ không thực sự hành dâm với phụ nữ. Nhưng họ lại để cho phụ nữ chà xát, thoa bóp, tắm, kỳ cọ, thích thú khoái lạc trong đó, thỏa mãn trong đó. Đây gọi là giới bị rách, bị lủng, hoen ố, bị lốm đốm, nơi người sống phạm hạnh. Người ấy được gọi là sống đời phạm hạnh không sạch. Cũng như một người bị trói bởi dây trói dục vọng, vị ấy sẽ không thoát khỏi sanh, già, chết, sầu bi khổ ưu não.

145. Lại nữa, bà-la-môn, có khi vị ấy không để phụ nữ làm những việc như trên, nhưng lại đùa giỡn, cợt nhả, vui thú với phụ nữ...

146. Lại nữa, có khi không đùa giỡn, nhưng vị ấy lại nhìn chòng chọc vào đàn bà con gái, bốn mắt nhìn nhau...

147. Lại nữa, bà-la-môn, có khi không làm như vậy, nhưng vị ấy lại lắng tai nghe tiếng phụ nữ cách vách nói, cười, hát khóc...

148. Lại nữa, dù không làm như trên, nhưng vị ấy tư tưởng đến tiếng nói, giọng cười và những trò chơi mà ngày trước đã chơi với họ.

149. Lại nữa, bà-la-môn, có thể vị ấy không như vậy, nhưng lại nhìn một gia chủ hay con trai của gia chủ đang sở hữu, hưởng thụ, đắm mê năm thứ dục lạc.

150. Lại nữa, bà-la-môn, có khi vị ấy không làm những điều như trên, nhưng vị ấy tu phạm hạnh với mong ước rằng, do phạm hạnh này, do khổ hạnh này, ta trở thành một vị trời ở cõi cao hoặc thấp. Vị ấy vui thích, ham muốn, thỏa mãn trong ước vọng đó. Này bà-la-môn, đây gọi là giới bị rách, bị lủng, bị hoen ố, bị lốm đốm, nơi một người tu phạm hạnh. Người ấy, Ta nói sẽ không thoát khỏi khổ đau." (Tăng chi iv, 54-6)

151. Sự nguyên vẹn của giới là: không vi phạm các học giới, sám hối những giới đã phạm, không có bảy trói buộc của dục vọng, và lại không khởi những ác pháp như sân, hận thù, thống trị, khinh bỉ, đố kỵ, bỗn sển, lừa dối, gian lận, cứng đầu, kiêu căng, ngã mạn, cao ngạo, khoe khoang, lơ đãng (Trung, kinh số 7), mà thường khởi những đức tính như ít muốn, biết đủ, viễn ly (Trung, kinh số 24).

152. Giới không bị vi phạm vì mục đích lợi dưỡng, v.v. và giới được điều chỉnh do sám hối vì đã lỡ phạm, giới không bị hỏng vì trói buộc của dục, và vì những

ác pháp như sân, hận gọi là giới hoàn toàn không bị rách, không lủng, không vá, không lổm đổm. Những giới như vậy gọi là giải thoát vì đem lại tình trạng một con người giải thoát; gọi là được người trí khen ngợi, là không dính mắc ái và kiến, là giúp cho định vì nó đưa đến định cận hành và định an chỉ. Bởi vậy, sự không rách, v.v. chính là thanh tịnh giới.

153. Sự thanh tịnh ấy có được nhờ hai phương diện: thấy nguy hiểm của sự phạm giới, và thấy lợi lạc của sự viên mãn giới. Nguy hiểm của sự phạm giới là như nói trong Tăng chi iii, 252: "Này các tỷ kheo, có năm nguy hiểm ..."

154. Lại nữa, do sự thiếu giới hạnh mà một người không làm cho chư thiên và loài người hoan hỷ, thành một kẻ khó nói đối với đồng phạm hạnh. Vị ấy đau khổ khi phạm giới, bị chỉ trích, và hối hận khi thấy những người giữ giới được tán dương. Vì thiếu giới, vị ấy xấu như vải gai thô. Sự chung đụng với một người như vậy là đau khổ, vì người đồng quan điểm với vị ấy sẽ phải đau khổ lâu dài trong những đoạ xứ. Người ấy vô giá trị, vì không đem lại quả báo lớn cho những thí chủ. Người ấy khó làm cho sạch, như thùng phân dơ lâu năm, như một khúc gỗ mục trên giàn hỏa, vì không phải xuất gia cũng không phải cư sĩ. Mặc dù tự xưng là tỷ kheo mà không phải tỷ kheo, nên giống như con lừa đi theo bầy bò. Vị ấy luôn luôn nóng nảy, như kẻ thù của mọi người. Sống chung với vị ấy khó như sống chung với một xác chết. Mặc dù vị ấy có thể là người đa văn, văn văn, vị ấy không đáng được các bậc đồng phạm hạnh cung kính, cũng như ngọn lửa củi bất tịnh đối với bà-la-môn thờ lửa. Vị ấy không thể đắc các quả chứng thù thắng, như người mù không thể thấy sắc. Vị ấy bất cẩn đối với diệu pháp, như kẻ nghèo đối với vương quốc.

Mặc dù vị ấy tưởng mình hạnh phúc, mà kỳ thực rất đau khổ, vì gặt hái những khổ được trình bày trong kinh Hỏa tự." (Tăng chi iv, 128-34)

155. Đức Thế tôn đã dạy, khi người không giới được cung kính cúng dường, mà tâm còn tràn đầy dục vọng đối với năm thứ dục, thì hậu quả sẽ là đau khổ mãnh liệt, do duyên ấy có thể làm cho người ấy thổ ra máu nóng vì nhớ lại việc đã làm. "Này các tỷ kheo, các ông có thấy đồng lửa lớn đang cháy hừng hực kia không?" - "Bạch Thế tôn, có" - "Các người nghĩ sao, này các tỷ kheo, thà ngồi hay nằm ôm đồng lửa rực đỏ ấy, hay thà ngồi, nằm ôm một cô gái thuộc dòng sát-đế-ly, bà-la-môn, con gái gia chủ với chân tay mềm mại?" - "Bạch Thế tôn, thà ôm một cô gái là hơn vì bạch Thế tôn, thật là đau khổ nếu ngồi ôm hay nằm ôm đồng lửa đỏ rực ấy."

156. "Này các tỷ kheo, Ta bảo các ông, đối với một người xuất gia không có giới đức, bản chất xấu, có những thói khả nghi bất tịnh, hành vi lén lút, không phải sa môn tự xưng sa môn, không sống phạm hạnh tự xưng là phạm hạnh, nội tâm

hủ bại, dâm tà, đầy những thói nát, với một người như vậy, thà ngồi ôm hay nằm ôm cái đồng lửa lớn hừng hực kia. Tại sao? Vì làm như vậy, nó có thể bị chết, hoặc đau đớn đến chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung, nó phải bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng nếu một người không có giới đức, bản chất xấu, ... mà ngồi hay nằm ôm một cô gái dòng sát-đế-ly,... thì phải chịu đau khổ tai hại lâu dài, bởi khi thân hoại mạng chung, nó sẽ tái sinh vào đọa xứ, ác thú, cõi dữ, địa ngục." (Tăng chi iv, 128-9)

157. Sau khi dùng ví dụ đồng lửa để chỉ đau khổ đi kèm với sự đam mê nhục dục, Ngài còn lấy ví dụ về dây lông đuôi ngựa, chĩa nhọn, nền sắt nóng, hoàn sắt đỏ, giường sắt, ghế sắt, nồi sắt, để ví với nỗi đau đớn do duyên nhận sự cung kính cúng dường, và do dùng bốn vật cần thiết, đối với một tỷ kheo không có giới đức." (Tăng chi iv, 129)

158.

Vui gì người phá giới Không từ bỏ dục lạc Khi nó phải chịu khổ Còn đau đớn dữ dội Hơn ôm đồng lửa hừng?

Vui gì được cúng dường Khi phá giới chịu khổ Bị thừng đuôi ngựa quất Cũng không đau đớn bằng.

Vui gì kẻ phá giới Khi nhận sự kính chào Do duyên này chịu khổ Hơn kiếm nhọn đâm vào?

Vui gì dùng y phục Không chế ngự tự thân Vì chính do duyên ấy Chịu áo sắt quấn thân Đồ khát thực dù ngon Không giới thành độc được

Bởi vì do duyên ấy Nướng sắt nóng nhiều hườn Khi người không giới đức Sử dụng giường và ghế Dù có thấy êm dịu Vẫn là nhân khổ đau Vì nó sẽ phải chịu Hành hạ lâu thật lâu Nằm ngồi trên ghế giường Toàn bằng sắt nung đỏ.

Vui chi người phá giới Khi sử dụng trú xứ Cửa tín thí cúng dường Bởi vì do duyên ấy Tương lai nó phải ở Trong nồi sắt lửa hừng?

Bậc Đạo sư nhiều lần Quở trách người phá giới: "Có những thói khả nghi Hủ bại và dâm tà Tâm xấu xa thói nát."

Như thế ấy, cuộc đời Của người không giới đức Người đội lốt sa môn Đây là kẻ tự hại Tự mình đào hố chôn.

Ai đáng được xót thương Hơn người không giới đức? Nhiều và trầm trọng thay Lỗi lầm của phá giới.

Quán sát như trên gọi là "thấy nguy hiểm trong sự phá giới", và thấy lợi lạc của sự viên mãn giới thì nên hiểu là điều ngược lại.

159. Hơn nữa,

Ai giữ giới toàn vẹn Thì việc mang y bát Gây lạc thú, niềm tin Xuất gia có kết quả.

Tỷ kheo giới trong trắng Không sợ mình trách mình Cũng như trong mặt trời Không thể có bóng tối.

Tỷ kheo giới trong trắng Sáng chói khổ hạnh lâm Như ánh trăng ngời sáng Chiếu tỏa bầu trời đêm.

Làn hương từ thân thể Của tỷ kheo có giới Làm chư thiên hoan hỷ Hướng chi làn giới hương? Toàn bích hơn tất cả Những hương trên thế gian Hương giới không chướng ngại Tỏa bay khắp mười phương.

Phục vụ người giới đức Dù ít, kết quả nhiều Bởi vậy người giới đức Là kho chứa danh xưng.

Không có lậu hoặc nào Ở trong đời hiện tại Bức bách người có giới Vị ấy còn đào hết Gốc rễ của đau khổ Trong những đời vị lai.

Muốn trở thành tối thượng Trong tất cả loài người Và cả trong chư thiên Không phải là chuyện khó Với người viên mãn giới.

Nhưng vị viên mãn giới Thì không cầu gì khác Ngoài Niết-bàn tịch diệt Cảnh giới thuần thanh tịnh.

Quả báo giới tốt lành Đủ hình thức khác nhau Người trí nên biết sâu Gốc ấy của mọi càn.

160. Tâm người nào hiểu được điều này sẽ rùng mình trước sự sợ hãi phạm giới và cố vươn lên giới hạnh toàn bích. Bởi thế, hãy thận trọng làm cho giới được thanh tịnh, sau khi thấy nguy hiểm của phá giới và lợi lạc của trì giới như trên.

161. Đến đây, Thanh tịnh đạo, được nêu dưới những mục Giới, Định và Tuệ do câu "Người trú giới có trí..." (Đoạn 1) đầu tiên là Giới, đã được trình bày.

Chương này được soạn với mục đích làm cho người lành được hoan hỉ.

Tác giả: **Luận sư Buddhaghosa Ni sư Trí Hải** dịch Việt Trích "Thanh Tịnh Đạo - Visudhi Magga", Phần I, Chương I.. Thanh Tịnh Đạo là một bộ sách tu học dựa trên giáo lý nguyên thủy, do Luận sư Buddhaghosa (Phật Âm) trước tác vào thế kỷ 5, Tây lịch Nguồn: <https://www.budsas.org/uni/u-vbud/vbkin132.htm>